

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

#### Phần thứ nhất

#### TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh được thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động đến hầu hết quốc gia, khu vực; xung đột ở Ucraina, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; lạm phát ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất kéo dài dẫn đến suy giảm tăng trưởng, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nước. Ở trong nước, nền kinh tế tiếp tục xu hướng phục hồi và đạt kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực; song, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do chịu tác động kép từ các yếu tố bên ngoài và những bất cập nội tại của nền kinh tế như chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp, quy mô kinh tế còn khiêm tốn, năng lực cạnh tranh, năng suất lao động chưa cao, nhiều chuỗi cung ứng bị đứt gãy, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài bị sụt giảm...

Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực ngay từ đầu năm với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, khắc phục nhanh chóng những hạn chế, yếu kém, bám sát thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; cùng với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 của tỉnh tiếp tục phát triển và đạt được những kết quả tích cực; cụ thể như sau:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

#### 1. Kinh tế tiếp tục phát triển trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, một số chỉ tiêu đạt khá so với kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 7,0%<sup>1</sup>, đứng thứ 18 cả nước và đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,87%; Công nghiệp - xây dựng tăng 8,55%; Dịch vụ tăng 8,1%; Thuế sản phẩm giảm 3,33%.

**1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản** đạt kết quả khá toàn diện; tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm ước đạt 3,87%, gấp 2 lần so với cùng kỳ (1,93%).

<sup>1</sup> Trong đó Quý I/2023 tăng 6,7%; Quý II tăng 7,29%.

Vụ Đông Xuân năm 2023, toàn tỉnh gieo trồng được 238,1 nghìn ha, sản lượng lương thực ước đạt 888,5 nghìn tấn, bằng 58,1% kế hoạch, tăng 1,8% so với cùng kỳ; trong đó năng suất lúa đạt 67 tạ/ha, vượt 3 tạ/ha so với kế hoạch và đạt cao nhất từ trước đến nay. Đã thực hiện chuyển đổi 1.169,4 ha đất trồng lúa hiệu quả kinh tế thấp sang trồng các loại cây có hiệu quả cao hơn. Các nhà máy đã thu mua và chế biến gần 838,5 nghìn tấn mía nguyên liệu và 199,3 nghìn tấn tinh bột sắn. Lô vải không hạt (Vải Ngọc) đầu tiên trồng tại huyện Ngọc Lặc của Công ty Công ty TNHH nông nghiệp công nghệ cao Hồ Gươm - Sông Âm đã xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Vương quốc Anh, đánh dấu cột mốc mới trong phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Chăn nuôi phát triển ổn định, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 140,7 nghìn tấn, bằng 48,5% kế hoạch, tăng 4,0% so với cùng kỳ; sản lượng trứng gia cầm ước đạt 129,8 triệu quả, bằng 41,9% kế hoạch, tăng 12,8%; sản lượng sữa tươi ước đạt 19.380 tấn, tăng 6,2%. Công tác phòng, chống dịch được chỉ đạo quyết liệt, không xảy ra dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; đã hoàn thành công tác tiêm phòng đợt 1 năm 2023 cho gia súc, gia cầm, đạt 100,6% kế hoạch.

Lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững. Toàn tỉnh đã trồng được 5.650 ha rừng tập trung, bằng 56,5% kế hoạch; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 427 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 3,2% so với cùng kỳ. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC đạt 28.492,4 ha tại 07 huyện<sup>2</sup>; an ninh rừng được đảm bảo<sup>3</sup>, không xảy ra cháy rừng. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước đạt 104.521 tấn, bằng 49,5% kế hoạch và tăng 4,6% so với cùng kỳ; trong đó sản lượng khai thác ước đạt 68.355 tấn, bằng 49,7% kế hoạch, tăng 5,8%; toàn tỉnh hiện có 6.259 tàu cá các loại, trong đó có 1.144 chiếc có chiều dài 15 m trở lên.

Các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục được phát triển; đến nay, toàn tỉnh có 1.237 doanh nghiệp, 802 hợp tác xã, 891 trang trại, 1.162 tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong 6 tháng đầu năm, đã đưa vào hoạt động một số dự án quy mô lớn trong lĩnh vực nông nghiệp như: Khu liên hợp sản xuất, chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 1; dự án Chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp tại tỉnh Thanh Hóa; Khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO Thanh Hóa...

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được quan tâm chỉ đạo. Có thêm 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu<sup>4</sup> và 64 sản phẩm được xếp hạng OCOP cấp tỉnh. Công tác phòng, chống thiên tai được thực hiện nghiêm túc, thường trực 24/24 giờ; các địa phương, đơn vị đang tập trung triển khai thực hiện tốt đề án, dự án sắp xếp, ổn định dân cư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án thủy lợi, ứng phó với biến đổi khí hậu, sớm đưa vào sử dụng trước mùa mưa lũ.

<sup>2</sup> Tăng 01 huyện, 6.604,4 ha so với năm 2022.

<sup>3</sup> Đã phát hiện và xử lý 121 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, giảm 37 vụ so với cùng kỳ.

<sup>4</sup> Lũy kể đến nay, toàn tỉnh có 12 đơn vị cấp huyện, 359 xã đạt chuẩn NTM, 80 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 14 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có 339 sản phẩm OCOP được xếp hạng từ 3-4 sao, 01 sản phẩm 5 sao.

**1.2. Sản xuất công nghiệp** tuy phải đối mặt với những biến động khó lường từ các thị trường trong nước và thế giới; song, các doanh nghiệp đã nỗ lực khắc phục khó khăn về nguồn nguyên, vật liệu, thị trường tiêu thụ, tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm và có thêm một số cơ sở công nghiệp mới đi vào hoạt động<sup>5</sup>, nên sản xuất công nghiệp vẫn duy trì đà phát triển, nhất là trong Quý II. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 7,49% so với cùng kỳ; có 18/25 sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sản lượng bằng hoặc tăng so với cùng kỳ, trong đó có một số sản phẩm tăng mạnh như: Điện sản xuất (tăng 53,7%), Dầu Diesel các loại (tăng 26,6%), Xăng các loại (tăng 18,5%), Giấy bìa các loại (tăng 14,1%)... Các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn duy trì sản xuất ổn định; sản phẩm OCOP tiếp tục được quan tâm cải thiện về chất lượng, đa dạng về mẫu mã, góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Hoạt động xây dựng tiếp tục có bước phát triển; tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm ước đạt 6,95%. Công tác quy hoạch được quan tâm chỉ đạo; Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 và 42 hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng<sup>6</sup> đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng công trình xây dựng được quan tâm thực hiện, chỉ số giá xây dựng tiếp tục được công bố định kỳ hằng tháng. Quản lý nhà nước về thị trường bất động sản tiếp tục được tăng cường.

**1.3. Các ngành dịch vụ** tiếp tục tăng trưởng mạnh; hoạt động thương mại nội địa diễn ra sôi động, nguồn cung hàng hóa dồi dào, giá hàng hóa ổn định, không có hiện tượng găm hàng, sốt giá. Doanh bán lẻ hàng hóa và một số ngành dịch vụ 6 tháng đầu năm ước đạt 82.952 tỷ đồng, bằng 47,4% kế hoạch, tăng 14,1% so với cùng kỳ; giá trị xuất khẩu ước đạt 2.431 triệu USD, giảm 9,7%<sup>7</sup>; giá trị nhập khẩu ước đạt 4.590 triệu USD, tăng 5,3%.

Hoạt động du lịch duy trì đà phục hồi mạnh mẽ; nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch gắn với khai mạc Lễ hội du lịch biển Sầm Sơn, Hải Hòa, Hải Tiến năm 2023 được tổ chức, thu hút du khách đến với tỉnh; đã tổ chức Hội nghị liên kết, hợp tác phát triển du lịch, kết nối tour, tuyến giữa tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh, thành phố năm 2023. Tổng lượng khách du lịch 6 tháng đầu năm ước đạt 8,354 triệu lượt, bằng 69,6% kế hoạch, tăng 13% so với cùng kỳ (trong đó khách quốc tế ước đạt 214,6 nghìn lượt, đạt 34,9% kế hoạch); tổng thu du lịch ước đạt 15.072 tỷ đồng, bằng 62,3% kế hoạch, tăng 16,7%.

Hoạt động vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân. Vận chuyển hành khách ước đạt 20,2 triệu lượt, bằng 65,4% kế hoạch, tăng 53% so với cùng kỳ; vận tải hàng hóa ước đạt

<sup>5</sup> Như: Nhà máy may Victory tại thị trấn Sao Vàng và Mở rộng Nhà máy giấy ADIANA, huyện Thọ Xuân; Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giày và giày xuất khẩu của tập đoàn HuaLi, huyện Yên Định,...

<sup>6</sup> Gồm: 16 đồ án (04 QHC, 02 QHPK, 10 QHCT), 16 nhiệm vụ (02 QHV huyện, 01 QHC, 02 QHPK, 11 QHCT) và 10 đồ án điều chỉnh cục bộ (06 QHC, 03 QHPK, 01 QHCT).

<sup>7</sup> Toàn tỉnh hiện có 212 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu với 55 chủng loại hàng hóa, sang 68 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, tăng 27 doanh nghiệp và 6 thị trường so với cùng kỳ.

36 triệu tấn, bằng 54% kế hoạch, tăng 20,6%; xếp dỡ hàng hóa qua cảng ước đạt 23,6 triệu tấn, bằng 49,2% kế hoạch, tăng 12%; doanh thu vận tải ước đạt 10.353 tỷ đồng, bằng 58,1% kế hoạch, tăng 34,5% so. Trong 6 tháng đầu năm, các hãng hàng không đã tổ chức 4.094 lượt cất hạ cánh tại Cảng hàng không Thọ Xuân, vận chuyển 620.592 lượt khách, giảm 12,1% so với cùng kỳ.

Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển ổn định; doanh thu ước đạt 2.300 tỷ đồng, bằng 47,9% kế hoạch, tăng 1,8% so cùng kỳ. Huy động vốn của các tổ chức tín dụng (không bao gồm Ngân hàng Phát triển) ước đạt 150.798 tỷ đồng, tăng 8,1% so với đầu năm; tổng dư nợ ước đạt 180.961 tỷ đồng, tăng 2,5%<sup>8</sup>. Trên địa bàn tỉnh hiện có 5.804 doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng, với dư nợ 48.510 tỷ đồng<sup>9</sup>; các tổ chức tín dụng đã thực hiện cho vay theo gói hỗ trợ 2% lãi suất từ nguồn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ đối với 192 khách hàng với dư nợ 1.359 tỷ đồng.

**1.4.** Thu ngân sách nhà nước ước đạt 20.577 tỷ đồng, bằng 58% dự toán, giảm 25% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa ước đạt 11.800 tỷ đồng, bằng 54% dự toán, giảm 33% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 8.777 tỷ đồng, bằng 65% dự toán và giảm 12% so với cùng kỳ. Một số lĩnh vực giảm mạnh so với cùng kỳ như: Thu tiền sử dụng đất giảm 60%, thuế bảo vệ môi trường giảm 48%, thuế thu nhập cá nhân (giảm 31%)... do tác động tiêu cực từ thị trường vốn, tài chính, bất động sản trong năm 2023; ảnh hưởng từ việc áp dụng chính sách miễn, giảm, giãn, hoãn, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, giảm thuế giá trị gia tăng áp dụng cho năm 2023 được Quốc hội, Chính phủ thông qua. Chi ngân sách nhà nước 6 tháng ước đạt 20.165 tỷ đồng, bằng 50% dự toán và bằng 111% so với cùng kỳ.

## **2. Hoạt động kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp được chú trọng**

**2.1.** Các đồng chí lãnh đạo tỉnh đã tiếp và làm việc với nhiều tổ chức quốc tế, các tập đoàn, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài như: Công ty TNHH Năng lượng JERA Việt Nam, Tổng công ty LH (Hàn Quốc), Đại sứ quán Israel tại Việt Nam, Tập đoàn WHA Thái Lan, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn WHA Thái Lan, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại Việt Nam, Hội đồng thành phố Seongnam, tỉnh Gyeonggi (Hàn Quốc), Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản), Tổng Công ty LH (Hàn Quốc), Công ty CP Tập đoàn TH... nhằm kêu gọi, giới thiệu cơ hội đầu tư vào tỉnh; ký kết Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh; Thỏa thuận “Nghiên cứu - Hợp tác - Phát triển công nghiệp” với VSIP Group tại tỉnh Bình Dương. Đã phối hợp tổ chức thành công các sự kiện nhân Kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản tại Thanh Hóa, tạo dấu ấn tốt đẹp đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đối tác Nhật Bản; tiếp xúc và làm việc với đoàn công tác Liên minh Nghị sĩ hữu nghị Nhật Bản - Việt Nam, các đối tác Nhật Bản; đón tiếp và làm việc với Đoàn đại biểu cấp cao tỉnh

<sup>8</sup> Cùng kỳ năm 2022, lần lượt tăng 9,5% và 8,2%.

<sup>9</sup> Cùng kỳ có 5.690 doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng với dư nợ 50.215 tỷ đồng.

Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tại Thanh Hóa; tổ chức đoàn đại biểu cấp cao của tỉnh sang thăm, làm việc tại tỉnh Hủa Phăn nhân dịp Tết cổ truyền Bun Pi May và chỉ đạo tổ chức 41 lượt trao đổi đoàn, giao lưu văn hóa, hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh với tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

**2.2.** Huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt 66.090 tỷ đồng, bằng 47,2% kế hoạch, giảm 4,8% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 33 dự án đầu tư trực tiếp (trong đó có 9 dự án FDI), với tổng vốn đầu tư đăng ký của các dự án là 8.949 tỷ đồng và 131,4 triệu USD, lần lượt gấp 2,2 lần và 3,2 lần so với cùng kỳ; điều chỉnh tăng vốn 43,4 triệu USD cho 03 dự án; tiếp nhận 06 chương trình, dự án, phi dự án viện trợ không hoàn lại với tổng vốn khoảng 5,1 triệu USD.

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 do tỉnh quản lý đã được giao kế hoạch chi tiết sớm ngay từ đầu năm; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức 02 Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện 03 Chương trình MTQG, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; thành lập 05 Tổ Công tác do Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng, trực tiếp đi kiểm tra tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, các Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Dự kiến đến hết tháng 6 năm 2023, giá trị giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh ước đạt khoảng 39,9% kế hoạch, cao hơn bình quân chung cả nước (khoảng 31,4%).

**2.3.** Đến ngày 19/6, có 1.287 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đạt 42,9% kế hoạch, bằng 78,4% so với cùng kỳ, đứng thứ 8 cả nước và đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ, với vốn điều lệ đăng ký đạt 8.877 tỷ đồng, vốn đăng ký bình quân 6,9 tỷ đồng/doanh nghiệp<sup>10</sup>; có 552 doanh nghiệp tái gia nhập thị trường, giảm 36,7% so với cùng kỳ và 750 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tương đương với cùng kỳ. UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp năm 2023 để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chia sẻ, động viên, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân tích cực lao động, sáng tạo nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các địa phương, đơn vị đã tổ chức 30 khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, bồi dưỡng kiến thức về quản trị kinh doanh cho 1.200 học viên; tổ chức 28 lớp tập huấn cho 2.700 học viên về sản xuất, kinh doanh.

### **3. Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được nâng lên**

**3.1.** Hoạt động khoa học, công nghệ được thực hiện theo hướng nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ. Thực hiện quản lý 123 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia và cấp tỉnh<sup>11</sup>; tổ chức đánh giá, nghiệm thu 12 nhiệm vụ. Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ cho 01 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp khoa học

<sup>10</sup> Số vốn đăng ký bình quân/1 doanh nghiệp cùng kỳ năm 2022 đạt 14,9 tỷ đồng.

<sup>11</sup> 16 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia và 107 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

và công nghệ trên địa bàn tỉnh lên 31 đơn vị, đứng thứ 3 cả nước. Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ được duy trì, an toàn bức xạ được đảm bảo<sup>12</sup>.

**3.2.** Hoạt động thông tin và truyền thông đã tập trung tuyên truyền về các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh và những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội, công tác phòng, chống dịch Covid-19 của tỉnh... Công tác quản lý, theo dõi thông tin báo chí được tăng cường, kịp thời chỉ đạo, kiểm tra, xử lý những vấn đề báo chí nêu; chấn chỉnh tình trạng lợi dụng danh nghĩa báo chí để sách nhiễu, hoạt động trái pháp luật; tình trạng đưa tin, phản ánh một chiều, sai sự thật được kiểm soát chặt chẽ.

**3.3.** Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa được quan tâm thực hiện; phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được duy trì. Có thêm 04 Di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia<sup>13</sup>; 05 di tích được cấp bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh; nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc, giữ gìn nét đẹp văn hóa cổ truyền của dân tộc được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo Nhân dân và du khách tham gia. Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ước đạt 44%, tăng 0,6% so với cùng kỳ; thể thao thành tích cao đạt 186 huy chương (56 HCV, 55 HCB, 75 HCD); trong đó các vận động viên tỉnh ta giành được 7 HCV, 5 HCB, 5 HCD tại SEA Games 32. Đội tuyển U19 Thanh Hóa giành chức vô địch Giải bóng đá U19 quốc gia năm 2023; CLB Bóng đá Đông Á Thanh Hóa xếp thứ nhất trên bảng xếp hạng.

**3.4.** Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được đẩy mạnh; đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. Tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2022-2023, tỉnh ta có 61/78 học sinh đạt giải<sup>14</sup>, có 02 học sinh môn Vật lý và Tin học được chọn vào đội tuyển Việt Nam dự thi Olympic Châu Á - Thái Bình Dương và 01 học sinh môn Vật lý được chọn vào đội tuyển dự thi Olympic Quốc tế. Công tác hướng nghiệp cho học sinh THCS, THPT được quan tâm thực hiện; kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT và THPT chuyên Lam Sơn được tổ chức an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Trong 6 tháng đầu năm đã tổ chức kiểm tra, đánh giá, công nhận đạt chuẩn quốc gia cho 66 trường, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh lên 1.688 trường, đạt tỷ lệ 83,9%, vượt mục tiêu kế hoạch (83,46%). Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học được quan tâm thực hiện; toàn tỉnh giảm 15 trường học, đơn vị sự nghiệp công lập, tăng 01 trường Mầm non tư thục và 01 trường Tiểu học tư thục so với chỉ tiêu được giao<sup>15</sup>.

<sup>12</sup> Đã tham gia góp ý, thẩm định về công nghệ cho 43 dự án đầu tư; hướng dẫn 90 tổ chức, cá nhân về quyền sở hữu trí tuệ; cấp giấy phép hoạt động bức xạ cho 26 cơ sở; cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho 15 cá nhân.

<sup>13</sup> Gồm: (i) Tập quán xã hội và tín ngưỡng Mo Mường tại 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa; (ii) Lễ hội đền thờ Lê Hoàn, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân; (iii) Nghi lễ Nháng chập đáo (Tết nháy) của người Dao, huyện Ngọc Lặc; (iv) Múa đèn xếp chữ, hát chèo chái cô trong Lễ hội Ngư Vong Phường làng Nhân Cao, xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.

<sup>14</sup> Gồm: 03 giải nhất, 15 giải nhì, 22 giải ba và 21 giải khuyến khích, xếp thứ 6 toàn quốc.

<sup>15</sup> Tại Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 15/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Thanh Hóa năm học 2022 - 2023.

**3.5. Công tác phòng, chống, kiểm soát dịch Covid-19 và các dịch bệnh phát sinh khác<sup>16</sup>** được tăng cường, không để phát sinh thành ổ dịch, lan rộng ra cộng đồng. Đã tập trung khắc phục tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh. Các cơ sở y tế tiếp tục nâng cao chất lượng, ứng dụng kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân<sup>17</sup>; triển khai mô hình khám chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VneID. Quản lý hành nghề y, dược tự nhân được kiểm soát chặt chẽ, đã cấp mới, cấp lại 386 chứng chỉ hành nghề dược, 373 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Hoạt động thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, toàn tỉnh đã thành lập 1.244 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành và thanh tra chuyên ngành, kiểm tra tại 27.002 cơ sở, phát hiện 602 cơ sở vi phạm.

**3.6. Công tác theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm cho người lao động** được tăng cường; đã giải quyết việc làm cho 30.500 lao động, tăng 3% so với cùng kỳ, trong đó có 5.612 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tăng 47%; giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 13.345 lao động. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển đối tượng tham gia và thu hồi nợ BHXH, BHYT, BHTN. Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội được quan tâm thực hiện; đã tổ chức chi trả trợ cấp ưu đãi cho gần 404 nghìn lượt người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng; chi trả trợ cấp xã hội cho trên 1,2 triệu lượt đối tượng và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội; đã huy động từ nguồn xã hội hóa gần 382 tỷ đồng để tổ chức các hoạt động thăm, tặng quà trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn... Tổ chức tiếp nhận 16 hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại nước CHDCND Lào về an táng tại nghĩa trang liệt sỹ quốc tế Đồng Tâm. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm thực hiện; các chương trình, chính sách dân tộc, tôn giáo được triển khai kịp thời, hiệu quả, không để xảy ra tình hình phức tạp về dân tộc, tôn giáo.

#### **4. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường được tăng cường**

Đã tổ chức thẩm định hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện và lập Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh; rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu các loại đất đã phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; thực hiện việc giao đất, cho thuê đất với tổng diện tích 170,7 ha. Thực hiện rà soát quy hoạch, đánh giá nhu cầu vật liệu thông thường phục vụ công tác san lấp các dự án trên địa bàn; phê duyệt kế hoạch đấu giá 45 mỏ làm vật liệu san lấp, trong đó đã tổ chức đấu giá thành công 15 mỏ.

<sup>16</sup> Trong 6 tháng đầu năm, có 24 ca sốt xuất huyết, 14 ca sởi, 39 ca tay chân miệng, 1 ca dại (từ vong 1), 2 ca liệt mềm cấp nghi bại liệt, 5 ca viêm gan B, 10 ca viêm não do vi rút khác.

<sup>17</sup> Thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định bổ sung danh mục kỹ thuật tại BVĐKKV Ngọc Lặc, BVĐK huyện Đông Sơn, Bệnh viện Nhi; thẩm định cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới và bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa; chuyên giao kỹ thuật thay khớp háng tại BVĐK huyện Cẩm Thủy.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được tập trung thực hiện. Đến ngày 10/6/2023, đã chi trả bồi thường GPMB được 1.119,4 ha, bằng 47,6% kế hoạch. Công tác kiểm tra, giám sát tài nguyên, môi trường được tăng cường, các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cơ bản được kiểm soát; đã kiểm tra, xử lý 22 kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về vấn đề môi trường, xử lý vi phạm 12 đơn vị; tổ chức 81 Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM.

### **5. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, cải cách hành chính đạt kết quả tích cực**

**5.2.** Đã tập trung triển khai thực hiện Đề án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa; hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa. Tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 năm 2023 cho 185 trường hợp; tập trung giải quyết tình trạng thừa thiếu giáo viên khối trung học cơ sở thuộc các huyện, thị xã, thành phố.

**5.3.** Các chỉ số về cải cách hành chính của tỉnh được cải thiện rõ rệt, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022 tiếp tục duy trì vị trí thứ 3 cả nước; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp thứ 5 cả nước, tăng 19 bậc so với năm 2021; Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp thứ 10 cả nước, tăng 4 bậc. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính được triển khai đồng bộ, quyết liệt; tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng và trước hạn đạt 98,02%. Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; Thanh Hóa là một trong những tỉnh đầu tiên trên cả nước thực hiện việc kết nối, chia sẻ, trao đổi văn bản điện tử giữa chính quyền và doanh nghiệp.

### **6. Công tác thẩm định văn bản, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý được đẩy mạnh; nhiều khó khăn, vướng mắc về thể chế được tháo gỡ; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được tăng cường**

**6.1.** Chất lượng xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, từng bước được nâng lên; trong 6 tháng đầu năm, đã tổ chức thẩm định đối với 498 văn bản trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành; thực hiện kiểm tra, rà soát 97 văn bản quy phạm pháp luật. Hoạt động tư pháp, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý được đẩy mạnh; đã trợ giúp pháp lý đối với 244 vụ việc tham gia tố tụng.

**6.2.** Nhiều khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến thể chế thuộc thẩm quyền của tỉnh được tập trung tháo gỡ; đặc biệt là UBND tỉnh đã ban Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 về đơn giá xây dựng nhà, công trình làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ



khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh...

**6.3.** Đã tổ chức 434 cuộc thanh tra<sup>18</sup>; phát hiện sai phạm gần 23,9 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 18,4 tỷ đồng; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 168 tổ chức, 258 cá nhân. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện, tình hình khiếu nại, tố cáo có chiều hướng giảm; đã giải quyết 914 vụ khiếu nại và 192 vụ tố cáo. Công tác phòng chống tham nhũng được chú trọng; đã chuyển đổi vị trí công tác của 35 cán bộ, công chức, viên chức theo quy định về phòng, chống tham nhũng.

## **7. Quốc phòng - an ninh được đảm bảo**

**7.1.** Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; các lực lượng vũ trang đã tăng cường công tác tuần tra trên các tuyến biên giới, thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên nắm chắc tình hình các tuyến biên giới, địa bàn trọng điểm, không để bất ngờ, bị động xảy ra, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 và các sự kiện quan trọng của tỉnh. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu, khu vực biên giới, kịp thời ngăn chặn các hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép. Đã hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2023 với 3.934 công dân nhập ngũ<sup>19</sup>.

**7.2.** Lực lượng công an đã mở các đợt cao điểm về tấn công trấn áp tội phạm; phòng, chống sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép các loại pháo, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tuần tra bảo đảm an ninh trật tự; tăng cường lực lượng xuống cơ sở, chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện và đấu tranh mạnh với các loại tội phạm. Trong 6 tháng đầu năm, đã phát hiện khởi tố 671 vụ, 1.368 bị can phạm tội về trật tự xã hội; khởi tố 285 vụ, 545 bị can phạm tội ma túy; khởi tố 96 vụ, 179 bị can phạm về tội quản lý kinh tế, tham nhũng chức vụ; khởi tố 4 vụ 9 bị can phạm tội về môi trường; khởi tố 4 vụ 4 bị can phạm tội về lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Đã xảy ra 54 cháy, làm chết 5 người, gây thiệt hại về kinh tế khoảng 2 tỷ đồng; xảy ra 260 vụ tai nạn giao thông, làm chết 107 người, bị thương 263 người, tăng 94 vụ, 38 người chết và 127 người bị thương so với cùng kỳ.

<sup>18</sup> Gồm: 192 cuộc thanh tra hành chính và 242 cuộc thanh tra chuyên ngành.

<sup>19</sup> Gồm: 3.505 thanh niên nhập ngũ vào các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng; 429 công dân nhập ngũ vào các đơn vị thuộc Bộ Công an.

**Tóm lại**, 6 tháng đầu năm, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức; song, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật là: (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ; năng suất lúa vụ Chiêm Xuân đạt cao nhất từ trước đến nay; Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,49%; dịch vụ, thương mại tăng trưởng mạnh. (2) Hoạt động đối ngoại và xúc tiến đầu tư được tăng cường. (3) Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được nâng lên; giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao được giữ vững; công tác phòng, chống dịch được kiểm soát chặt chẽ; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ. (4) Nhiều khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và sản xuất, kinh doanh nói riêng được tập trung tháo gỡ. (5) Là tỉnh thứ 4 cả nước được phê duyệt quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch. (6) Có 3/4 chỉ số phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh nằm trong top 10 cả nước. (7) An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế phát triển.

## II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Khó khăn, hạn chế

#### 1.1. Về phát triển các ngành kinh tế

- Giá thức ăn, thuốc thú y, vắc xin phục vụ chăn nuôi ở mức cao (tăng 4 - 5% so với cùng kỳ), trong khi giá đầu ra sản phẩm chăn nuôi không ổn định, giá bán thấp so với chi phí đầu tư, ảnh hưởng đến đời sống của một bộ phận người dân; việc khai thác, xâm lấn rừng còn xảy ra tại một số địa bàn<sup>20</sup>.

- Một số sản phẩm công nghiệp truyền thống gặp khó khăn, sản lượng giảm mạnh so với cùng kỳ<sup>21</sup>. Tình hình thiếu điện ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Công tác phát triển nhà ở xã hội cho công nhân chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Hạ tầng thương mại chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; giá trị xuất khẩu giảm 9,7% so với cùng kỳ.

- Thu ngân sách nhà nước giảm mạnh so với cùng kỳ (giảm 25%), đặc biệt là thu từ tiền sử dụng đất giảm sâu so với cùng kỳ (giảm 60%).

**1.2. Về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch:** Tiến độ lập, thẩm định điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện<sup>22</sup>, Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa còn rất chậm; chất lượng của nhiều đồ án quy hoạch xây dựng còn hạn chế, nhất là quy hoạch xây dựng xã. Tình trạng xây dựng, coi nới trái phép, lấn chiếm đất đai của các hộ gia đình, cá nhân riêng lẻ vẫn còn diễn ra.

#### 1.3. Về đầu tư và phát triển doanh nghiệp

<sup>20</sup> Báo cáo số 2835/SNN&PTNT ngày 13/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

<sup>21</sup> Như: Đường kết tinh giảm 46,3%, tinh bột sản giảm 46,2%, bia các loại giảm 8,1%, sắt thép giảm 8%...

<sup>22</sup> Đến nay chưa có quy hoạch được phê duyệt.

- Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư quy mô lớn, các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của tỉnh đứng thứ 47/63 tỉnh, thành phố, giảm 4 bậc so với năm 2021.

- Hoạt động của một bộ phận doanh nghiệp còn khó khăn, số doanh nghiệp thành lập mới giảm 21,6% so với cùng kỳ, doanh nghiệp tái gia nhập thị trường giảm 36,7%, doanh nghiệp thông báo giải thể tăng 42,5%. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh còn hạn chế, một số dự án chậm đã nhiều năm nhưng chưa có dấu hiệu đẩy nhanh tiến độ thực hiện<sup>23</sup>.

- Tiến độ đầu tư hạ tầng một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp qua nhiều năm vẫn còn chậm và thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng hạ tầng của các dự án thứ cấp<sup>24</sup>; một số khu công nghiệp vẫn chưa thu hút được nhà đầu tư hạ tầng như Khu công nghiệp Thạch Quảng, Ngọc Lặc, Bãi Trành.

- Tiến độ hoàn chỉnh thủ tục đầu tư các dự án đầu tư công còn rất chậm<sup>25</sup>. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp so với kế hoạch (đạt 39,9%); trong đó một số đơn vị có tỷ lệ đạt rất thấp so với bình quân chung của tỉnh, như: Ban Dân tộc (0%), Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa (0,9%), Sở Xây dựng (4,2%), Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT (8,2%), huyện Ngọc Lặc (10,1%), huyện Lang Chánh (17,7%), huyện Hà Trung (18,3%), huyện Mường Lát (18,2%), huyện Như Thanh (18,7%), huyện Thường Xuân (20,6%)...

#### **1.4. Về lĩnh vực văn hóa, xã hội**

- Số lượng giáo viên còn thiếu cục bộ ở các cấp học, bậc học, nhất là đối với giáo viên tiểu học và giáo viên các môn đặc thù trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Công tác phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ còn khó khăn, số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới được công nhận còn ít; việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu từ hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương và trong nội bộ tỉnh còn nhiều khó khăn, vướng mắc; cơ sở dữ liệu các ngành hiện nay còn rời rạc, thiếu đồng bộ.

- Có 12.728 lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã bị ảnh hưởng việc làm do hoạt động của doanh nghiệp gặp khó khăn; nợ đóng, chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN trong các doanh nghiệp chưa có dấu hiệu giảm<sup>26</sup>; tai nạn đuối nước gây tử vong đối với trẻ em tuy giảm mạnh so với cùng kỳ<sup>27</sup> nhưng vẫn còn cao (đã xảy ra 17 vụ tai nạn đuối nước, gây tử vong đối với 20 trẻ em).

<sup>23</sup> Dự án Thủy điện Hồi Xuân; Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện tại phường Đông Sơn; Dự án khu liên hợp xử lý rác thải tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn.

<sup>24</sup> Như: KCN số 1, KCN số 3, KCN Lam Sơn - Sao Vàng; KCN Bim Sơn, KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga; CCN Hà Lĩnh, huyện Hà Trung...

<sup>25</sup> Có 50 dự án đến nay chưa lựa chọn được nhà thầu xây lắp.

<sup>26</sup> Toàn tỉnh hiện có 2.714 doanh nghiệp nợ BHXH, BHYT, BHTN từ 3 tháng trở lên với số tiền nợ là 471,1 tỷ đồng, tăng 730 doanh nghiệp và tăng 65,6 tỷ đồng so với cùng kỳ.

<sup>27</sup> Cùng kỳ xảy ra 23 vụ tai nạn đuối nước, gây tử vong đối với 32 trẻ em.

**1.5. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường:** Công tác quản lý nhà nước về đất đai ở một số địa phương chưa chặt chẽ; nhiều vướng mắc phát sinh trong thực tế chưa được giải quyết triệt để. Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, nhất là cát, sỏi lòng sông, đất san lấp chưa được giải quyết triệt để; khai thác sai so với thiết kế, ngoài vị trí mốc giới còn diễn ra; tiến độ triển khai các dự án xử lý chất thải rắn chưa đảm bảo yêu cầu, chưa kêu gọi được các dự án đầu tư mới.

**1.6. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ**

- Việc tổ chức thực hiện một số chương trình, đề án còn chậm, chất lượng chưa cao; chất lượng tham mưu chưa đạt, thiếu quyết liệt trong theo bám công việc; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức ở một số địa phương, đơn vị có lúc, có việc có tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, làm việc cầm chừng hoặc né tránh.

- Việc chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức tại một số đơn vị thực hiện chưa tốt, chưa gắn chuyển đổi vị trí công tác với luân chuyển chức danh lãnh đạo, quản lý giữ chức vụ nhiều năm ở những lĩnh vực nhạy cảm.

**1.7. Về quốc phòng - an ninh:** Hoạt động tội phạm ma túy trên tuyến biên giới diễn biến phức tạp, hoạt động xuất nhập cảnh trái phép vẫn còn diễn ra; tình hình tôn giáo, an ninh xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nhất là liên quan đến việc giải phóng mặt bằng, thu hồi đất các dự án đầu tư. Tai nạn giao thông tăng mạnh cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ.

**2. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế**

**2.1. Nguyên nhân khách quan:** (1) Tình hình thế giới tiếp tục có nhiều bất ổn, sức tiêu thụ hàng hóa ở một số thị trường truyền thống giảm mạnh. (2) Lãi suất cho vay của các ngân hàng còn ở mức cao, trong khi khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. (3) Nhu cầu vốn để GPMB, đầu tư các dự án hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp lớn, trong khi năng lực của các nhà đầu tư còn hạn chế, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào tỉnh. (4) Một số quy định giữa pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, nhà ở và kinh doanh bất động sản, đấu thầu, quản lý vốn của nhà nước còn thiếu sự thống nhất, gây khó khăn cho tổ chức thực hiện.

**2.2. Nguyên nhân chủ quan:** (1) Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ của một số đơn vị chưa chặt chẽ; năng lực, trách nhiệm công tác và thái độ phục vụ của một số cán bộ, công chức chưa cao. (2) Một số ngành, địa phương chưa quan tâm, sâu sát đối với nhiệm vụ quy hoạch; năng lực của một số đơn vị tư vấn lập quy hoạch còn yếu. (3) Nhiều chủ đầu tư trách nhiệm chưa cao trong công tác chuẩn bị các thủ tục đầu tư, dẫn đến tình trạng “vốn chờ dự án đủ thủ tục”; thiếu quyết liệt, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện giải ngân vốn đầu tư công. (4) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở cơ sở còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. (5) Ý thức chấp hành chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, BHXH, an toàn lao động tại một số doanh nghiệp trên địa bàn còn hạn chế.

## Phần thứ hai

### NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

#### I. DỰ BÁO BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Dự báo trong thời gian tới, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tăng trưởng kinh tế toàn cầu phục hồi khó khăn<sup>28</sup>, tiềm ẩn nhiều rủi ro; khủng hoảng năng lượng, lương thực, đứt gãy chuỗi cung ứng là hiện hữu; xung đột tại Ucraina tiếp tục kéo dài tác động đến ổn định kinh tế toàn cầu. Ở trong nước, nền kinh tế tiếp tục xu hướng phục hồi và đạt kết quả khả quan trên nhiều lĩnh vực; chính trị, xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo, tạo đà nâng cao tốc độ tăng trưởng cả năm 2023; song, các khó khăn, thách thức vẫn còn rất lớn do diễn biến thời tiết, thiên tai dịch bệnh khó lường, xung đột giữa các nước lớn tác động đến hoạt động kinh tế đối ngoại và đầu tư của nước ta.

Trong tỉnh, các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; một số dự án lớn dự kiến hoàn thành đi vào hoạt động trong những tháng cuối năm 2023 và một số dự án lớn sẽ được khởi công<sup>29</sup>, cùng với việc Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa, tạo thuận lợi để đẩy mạnh thu hút đầu tư và huy động các nguồn lực cho phát triển. Tuy nhiên, tỉnh ta vẫn còn gặp những khó khăn, thách thức như: Biến động về nguyên, nhiên vật liệu đầu vào; tác động từ tăng giá điện; áp lực lạm phát, nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp; sức cạnh tranh của các sản phẩm, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, năng lực khoa học công nghệ còn hạn chế, việc tiếp cận các nguồn vốn của doanh nghiệp còn khó khăn; cùng với những thách thức về thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... sẽ tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### II. NHIỆM VỤ CÒN LẠI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023, nhiệm vụ còn lại của một số chỉ tiêu chủ yếu trong 6 tháng cuối năm 2023 như sau:

##### 1. Đối với 08 chỉ tiêu chủ yếu có số liệu thống kê 6 tháng đầu năm

(1) Với mục tiêu tăng trưởng GRDP cả năm là 11,0% trở lên, thì tốc độ

<sup>28</sup> Ngày 06/6/2023, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt 2,1% trong năm 2023, thấp hơn so với mức tăng trưởng 3,1% năm 2022; Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) ngày 7/6 dự báo kinh tế thế giới sẽ đạt mức tăng trưởng 2,7% trong năm 2023.

<sup>29</sup> Một số dự án dự kiến hoàn thành, như: Dự án đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn; Nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2 (giai đoạn 1 - công suất 1,5 triệu tấn phôi thép/năm); Nhà máy may mặc Leading Star Thanh Hóa (9 triệu sản phẩm/năm); Khu Trang trại chăn nuôi lợn hàng hóa chất lượng cao APPE AC - Lang Chánh, Khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO Thanh Hóa...; các dự án may mặc, giấy da trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố...; một số dự án lớn sẽ được khởi công, như: Tô hợp hóa chất Đức Giang; tuyến đường bộ ven biển (đoạn Hoảng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Tĩnh Gia); đầu tư nâng cấp, mở rộng Đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đông, thành phố Thanh Hóa...

tăng trưởng GRDP 6 tháng cuối năm 2023 phải đạt 14,59% trở lên, trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,07% trở lên (KH cả năm 3,0%); công nghiệp - xây dựng tăng 19,6% trở lên (KH 14,2%); dịch vụ tăng 11,22% trở lên (KH 9,8%); thuế sản phẩm tăng 19,58% (KH 9,6%).

(2) Sản lượng lương thực đạt 611,4 nghìn tấn (KH năm 1.500 nghìn tấn).

(3) Kim ngạch xuất khẩu đạt 3.069 triệu USD (KH năm 5.500 triệu USD).

(4) Tổng Huy động vốn đầu tư đạt 73.910 tỷ đồng (KH 140.000 tỷ đồng).

(5) Thu NSNN đạt 14.763 tỷ đồng (dự toán giao 35.340 tỷ đồng).

(6) Tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao tăng thêm 2.825 ha (KH năm 7.100 ha).

(7) Thêm 01 huyện, 04 xã đạt chuẩn NTM, 03 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (KH năm có thêm 01 huyện, 17 xã đạt chuẩn NTM, 22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 08 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu).

(8) Thành lập mới thêm 1.713 doanh nghiệp (KH 3.000 doanh nghiệp).

**2. Đối với 17 chỉ tiêu chủ yếu không có số liệu thông kê 6 tháng đầu năm (chỉ có kết quả cuối năm):** Phần đầu hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các mục tiêu đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua.

### III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Những kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm là rất quan trọng, nhưng nhiệm vụ còn lại của 6 tháng cuối năm là rất lớn, nhất là các chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng GRDP, GRDP bình quân đầu người, huy động vốn đầu tư toàn xã hội,... đòi hỏi các ngành, địa phương, đơn vị phải tập trung cao độ để triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đề ra<sup>30</sup>, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, vướng mắc, phần đầu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh; đồng thời, tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

#### 1. Nhiệm vụ chung của các cấp, các ngành, các địa phương

**1.1.** Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách đã được ban hành nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025; tiếp tục đấu môi, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội, tạo hành lang pháp lý đầy đủ để khơi thông các nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

<sup>30</sup> Như: Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 07/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết số 327/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 12/01/2023, số 323/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 của UBND tỉnh; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 03/02/2023, số 04/CT-UBND ngày 09/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh...

**1.2.** Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, giữ vững ổn định tình hình và nỗ lực, cố gắng hơn nữa trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phải quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, vượt qua khó khăn, thách thức và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; khẩn trương rà soát, đánh giá tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ còn lại của 6 tháng cuối năm, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu đạt thấp, khó hoàn thành năm 2023 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo bằng các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, khả thi, có tính đột phá trong 6 tháng cuối năm, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Chủ động, tích cực chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu và tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung trình HĐND tỉnh khóa XVIII tại các kỳ họp trong 6 tháng cuối năm, đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

Tập trung rà soát, đánh giá sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đảm bảo chất lượng, sát thực tế kết quả đạt được, đúng thời gian quy định; trên cơ sở đó, nghiên cứu, bổ sung kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, hiệu quả để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đảm bảo hoàn thành thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

**1.3.** Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040. Trước mắt, tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch có tính chất chuyên ngành theo quy định của Luật Quy hoạch; cụ thể hóa các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa; khẩn trương hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện; Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các huyện, thị xã, thành phố.

**1.4.** Tập trung triển khai sản xuất vụ Mùa năm 2023 đảm bảo trong khung thời vụ; thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; tăng cường công tác quản lý khai thác thủy sản, đảm bảo an toàn cho người, tàu cá hoạt động trên biển. Tập trung triển khai nhiệm vụ trọng tâm, biện pháp cấp bách phòng, chống thiên tai, sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn, kiểm tra, kịp thời khắc phục sự cố, hậu quả thiên tai khi có tình huống xảy ra theo phương châm “4 tại chỗ” và nguyên tắc “*phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả*”, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, tai nạn, sự cố gây ra, giữ vững thành quả phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được.

**1.5.** Chủ động kiểm tra, theo dõi nắm chắc tình hình biến động về giá nguyên, nhiên vật liệu, vật tư đầu vào, tình hình tiêu thụ điện và hoạt động của doanh nghiệp công nghiệp để tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, không để gián đoạn sản xuất, nhất là các doanh nghiệp chủ lực có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, giải quyết việc làm; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp phát huy tối đa công suất, gia tăng sản

lượng để bù đắp thiếu hụt cho các sản phẩm công nghiệp có sản lượng giảm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.

**1.6.** Đẩy mạnh các hoạt động thương mại, dịch vụ gắn với phát triển mạnh thị trường trong nước; nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường, sản phẩm xuất khẩu. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; tăng cường kết nối, liên thông dịch vụ vận tải giữa các phương thức. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch mới, sản phẩm du lịch có lợi thế của tỉnh phù hợp với từng phân đoạn thị trường và nhu cầu của du khách; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến du lịch; ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển du lịch. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường, phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

**1.7.** Thực hiện đồng bộ các biện pháp duy trì các chỉ số thành phần có thứ hạng cao và nâng cao các chỉ số thành phần có thứ hạng thấp của các chỉ số PCI, PAR INDEX, PAPI, SIPAS. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, trọng tâm là đầu mối, phối hợp với các hiệp hội, ngành hàng, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để thu hút, lựa chọn các nhà đầu tư có uy tín, năng lực, kinh nghiệm, các dự án có công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng lớn từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách, nhất là các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023, các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện; kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm quy định của pháp luật.

**1.8.** Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thu ngân sách nhà nước; rà soát, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn thu, khu vực thu, từng sắc thuế để có phương án chỉ đạo, điều hành kịp thời, bảo đảm thu đúng, thu đủ, không để lọt, sót các nguồn thu; đôn đốc các khoản nợ kéo dài, quá hạn, phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2023. Thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm hiệu quả, linh hoạt, cân đối nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ chi năm 2023; tiếp tục rà soát, cắt giảm một số nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các công trình hạ tầng và thực hiện các cơ chế, chính sách.

**1.9.** Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư để khởi công mới các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án không có khả năng giải ngân, chậm giải ngân để bổ sung vốn cho các dự án có tiến độ thực hiện tốt, giải ngân nhanh; kiên quyết thanh lý hợp đồng đối với các nhà thầu thi công không đảm bảo tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết.

**1.10.** Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2023. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy



định, cơ chế, chính sách về đất đai, bồi thường hỗ trợ tái định cư khi thực hiện thu hồi, bồi thường GPMB các dự án; tập trung giải quyết các nút thắt trong công tác bồi thường GPMB các dự án đầu tư có sử dụng đất, nhất là các dự án đầu tư trực tiếp; thực hiện nghiêm việc ký cam kết tiến độ bàn giao mặt bằng các dự án đầu tư giữa UBND các huyện, thị xã, thành phố với các chủ đầu tư.

**1.11.** Thực hiện đồng bộ các biện pháp, nghiệp vụ nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; tiếp tục theo dõi chặt chẽ, chủ động phương án đối phó hiệu quả với các loại bệnh truyền nhiễm, các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, hiệu quả; triển khai có hiệu quả chương trình sách giáo khoa mới cho học sinh lớp 4, lớp 8 và lớp 11. Đổi mới và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa; tăng cường công tác bảo tồn và phát huy các giá trị các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường lao động, việc làm để có phương án hỗ trợ kịp thời, khắc phục tình trạng thiếu lao động phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Chủ động, kịp thời cung cấp thông tin cho báo chí và người dân về các vấn đề được dư luận quan tâm.

**1.12.** Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, cắt giảm, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, giảm văn bản giấy tờ hành chính. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; thực hiện tốt Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 29/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm trong công tác tham mưu, giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, kiên quyết điều chuyển, thay thế những cán bộ, công chức, viên chức có năng lực yếu kém, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

**1.13.** Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chuẩn bị các điều kiện tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ các huyện, thị xã, thành phố năm 2023. Tập trung đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, không để tội phạm gia tăng; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; xử lý kịp thời những vấn đề dư luận quan tâm, không để tạo thành điểm nóng, bức xúc.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho các ngành, lĩnh vực**

### **2.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**

- Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương gieo trồng và chăm sóc, bảo vệ cây trồng vụ Mùa năm 2023; xây dựng và thực hiện tốt phương án sản xuất và phòng trừ sâu bệnh vụ Đông năm 2023 - 2024. Theo dõi chặt chẽ tình hình cung cầu, giá các loại vật tư nông nghiệp và các mặt hàng nông sản để có biện pháp xử lý kịp thời; hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nâng cao chất

lượng sản phẩm nông nghiệp để đẩy mạnh xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm lợi thế, sản phẩm chủ lực của tỉnh; thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

- Đẩy nhanh tiến độ trồng rừng, đảm bảo hoàn thành kế hoạch; tăng cường công tác bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Chuẩn bị các điều kiện về ao nuôi, con giống phục vụ sản xuất thủy sản đúng lịch thời vụ; tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, giống thủy sản. Tiếp tục triển khai các giải pháp để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU), triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tàu cá hoạt động trên biển.

- Tập trung hướng dẫn, đôn đốc, hỗ trợ các địa phương hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, công nhận huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả “Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025”. Tham mưu tổ chức thực hiện tốt các biện pháp, phương án chủ động phòng, chống thiên tai; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành các công trình thủy lợi, bảo đảm vận hành an toàn công trình và cung cấp nước cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân; đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình thủy lợi, đê điều, đảm bảo công tác phòng, chống thiên tai trong mùa mưa lũ.

## 2.2. Sở Công Thương

- Thường xuyên theo dõi sát diễn biến thị trường, nguồn cung, nhu cầu hàng hóa để có biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu; triển khai hiệu quả các chương trình, chính sách kích cầu tiêu dùng, phát triển thương mại, thị trường trong nước, trong tỉnh; đẩy mạnh cuộc vận động “*Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, làm sâu sắc hơn mối quan hệ gắn bó với các đối tác truyền thống, tìm kiếm thị trường mới gắn với nhóm sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu tiêu biểu của tỉnh; tận dụng tối đa cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết để đẩy mạnh các hoạt động giao lưu thương mại.

- Tăng cường kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc, đảm bảo doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định, nhất là các sản phẩm có khả năng gia tăng sản lượng, phát huy tối đa công suất để bù đắp phần thiếu hụt giá trị sản xuất công nghiệp cho các sản phẩm có sản lượng giảm. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn để sớm đưa vào vận hành các dự án công nghiệp quy mô lớn, góp phần gia tăng năng lực mới, thúc đẩy tăng trưởng; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo Công ty Điện lực và các tổ chức cung ứng điện trên địa bàn tỉnh có phương án điều tiết điện hợp lý, hiệu quả, ưu tiên cấp điện cho các phụ tải

quan trọng, đặc biệt là các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các bệnh viện, trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô lớn...; kịp thời tham mưu, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà máy thủy điện, nhiệt điện để tổ chức phát điện, đảm bảo công suất và sản lượng điện cấp lên hệ thống lưới điện quốc gia; đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện. Tham mưu triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII).

### 2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đảm bảo chất lượng, thời gian quy định. Thường xuyên theo dõi sát diễn biến tình hình trong tỉnh, trong nước và quốc tế để kịp thời tham mưu, đề xuất bổ sung các giải pháp chỉ đạo, điều hành, đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tham mưu rà soát, điều chỉnh vốn của các dự án không có khả năng giải ngân, chậm giải ngân để bổ sung vốn cho các dự án có tiến độ thực hiện tốt, giải ngân nhanh, phân đấu giải ngân hoàn thành kế hoạch vốn năm 2023.

- Tập trung giải quyết nhanh, đúng quy định của pháp luật các thủ tục về đầu tư; theo dõi, đôn đốc, giải quyết các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp; rà soát, đề xuất thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị liên quan kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, phục vụ tiếp doanh nghiệp định kỳ hằng tháng của Chủ tịch UBND tỉnh.

### 2.4. Sở Tài chính

- Tổ chức triển khai quyết liệt các giải pháp thu ngân sách nhà nước năm 2023; thường xuyên đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, tham mưu các giải pháp chỉ đạo, điều hành kịp thời, phân đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu Ngân sách nhà nước năm 2023. Tiếp tục đấu mối, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, các bộ ngành liên quan để sớm có hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách để lại tăng thu từ xuất, nhập khẩu qua Cảng biển Nghi Sơn; khẩn trương tham mưu cho UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền chính sách về phí, lệ phí, chính sách về mức dư nợ vay và chính sách về thu từ xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội, để phát huy tối đa hiệu quả các chính sách.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, các khoản chi chưa thực sự cần thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong

và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền, để dành nguồn lực chi đầu tư phát triển. Đảm bảo nguồn lực ngân sách nhà nước để thực hiện chính sách tăng lương cơ sở cho cán bộ công chức, viên chức kể từ ngày 01/7/2023 theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội.

## 2.5. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp

- Tập trung hoàn thành việc lập, trình phê duyệt các đề án điều chỉnh cục bộ, đề án quy hoạch phân khu khu công nghiệp, đô thị theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn. Đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đưa vào sử dụng các dự án hạ tầng; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục khởi công các dự án mới năm 2023 đảm bảo thời gian quy định.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp phát huy hết công suất, sản lượng và tiêu thụ sản phẩm. Tích cực đôn đốc, hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trực tiếp, các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; đặc biệt, có biện pháp xử lý dứt điểm các tồn tại, khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, Khu công nghiệp số 1, số 3 trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Đẩy mạnh kêu gọi, xúc tiến đầu tư, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thu hút các dự án đầu tư, nhất là các dự án công nghiệp quy lớn, giá trị gia tăng cao.

## 2.6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Khẩn trương đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện; Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa. Đấu mới, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành Trung ương để được điều chỉnh, bổ sung, đảm bảo đủ các chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa.

- Đẩy nhanh việc tính tiền sử dụng đất các dự án sản xuất kinh doanh, để sớm bàn giao đất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện. Tăng cường đôn đốc nhà đầu tư trúng đấu giá dự án có sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, tiền bồi thường GPMB theo đúng cam kết và hợp đồng đã ký. Tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất các dự án; đấu giá các khu vực mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2023; tập trung hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện cơ chế, chính sách đất đai của các địa phương, đơn vị.

- Tổ chức kiểm tra các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, kịp thời đôn đốc, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, đề xuất biện pháp xử lý; kiên quyết thu hồi đất đối với các dự án vi phạm pháp luật theo quy định. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường; kiểm tra, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

## 2.7. Sở Giao thông vận tải

- Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động kinh doanh vận tải; kiểm tra, rà soát lại các điều kiện cấp giấy phép hoạt động của các trung tâm, cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe, đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đảm bảo theo quy định. Đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải để trình phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo đơn vị thi công tập trung huy động máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, nhân lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công các dự án do sở làm chủ đầu tư; nâng cao chất lượng thẩm định, rút ngắn, cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

- Đầu mối, phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải để sớm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận, đồng ý chủ trương giao cho UBND tỉnh Thanh Hóa là cơ quan có thẩm quyền kêu gọi đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không Thọ Xuân theo phương thức PPP.

## 2.8. Sở Xây dựng

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; tập trung đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch phân khu tại các đô thị động lực của tỉnh như: thành phố Thanh Hóa và huyện Đông Sơn; thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn; Khu kinh tế Nghi Sơn... Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch, trật tự xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, bất động sản. Tham mưu các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các dự án đầu tư xây dựng về nguồn nguyên liệu, vật tư xây dựng, vật liệu san lấp thông thường; tiếp tục thực hiện công bố chỉ số giá xây dựng định kỳ hằng tháng theo quy định và kịp thời cập nhật, công bố giá các loại vật liệu có biến động lớn trên địa bàn tỉnh.

**2.9. Sở Nội vụ** tham mưu tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 130-KH/TU ngày 31/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa; Đề án thành lập thị trấn Tiên Trang, huyện Quảng Xương; tham mưu xây dựng Kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính và chính sách tinh giản biên chế năm 2023. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra đột xuất, kịp thời phát hiện, uốn nắn và xử lý nghiêm sai phạm trong thực thi công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính.

**2.10.** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị và bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin ở cơ sở, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho Nhân dân. Tiếp tục tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến du lịch gắn với quảng bá bộ nhận diện thương hiệu Du lịch Thanh Hóa - hương sắc bốn mùa; ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển du lịch. Chuẩn bị tốt lực lượng vận động viên tham gia các giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế trong năm 2023.

**2.11.** Sở Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, hiệu quả. Phối hợp với các địa phương tổ chức các hoạt động hè cho học sinh, đảm bảo ý nghĩa, lành mạnh và an toàn tuyệt đối. Chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, trường lớp để khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024; triển khai có hiệu quả chương trình sách giáo khoa mới cho học sinh lớp 4, lớp 8 và lớp 11; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn. Tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục; tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc tuyển dụng giáo viên, sớm khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các cấp học.

**2.12.** Sở Y tế tiếp tục tham mưu thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác; sẵn sàng ứng phó với các tình huống có thể xảy ra. Chỉ đạo các cơ sở y tế nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật mới, hiện đại trong khám và điều trị bệnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác hành nghề y, dược ngoài công lập. Phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội lĩnh vực y tế; tham mưu thực hiện trình tự, thủ tục công bố hết dịch Covid-19 theo quy định.

**2.13.** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường lao động, tình hình việc làm của người lao động trong các doanh nghiệp để có phương án hỗ trợ kịp thời; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức đủ điều kiện tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tốt công tác tuyển sinh đảm bảo theo kế hoạch; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; tham mưu tổ chức tốt các hoạt động tri ân người có công với cách mạng nhân dịp kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh - Liệt Sĩ. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật lao động, các chế độ, chính sách cho người lao động tại các doanh nghiệp; phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh triển khai các giải pháp mở rộng diện bao phủ đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ đọng tiền BHXH, BHYT, BHTN. Triển khai các biện pháp giảm thiểu tai nạn thương tích trẻ em, nhất là tai nạn đuối nước trong thời gian học sinh nghỉ hè. Phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

**2.14.** Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong tất cả các lĩnh vực; tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án về khoa học và công nghệ đã được phê duyệt; đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ. Hướng dẫn triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước.

**2.15.** Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng và kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thường xuyên đôn đốc, xử lý những vấn đề báo chí quan tâm, kịp thời ngăn chặn, phản bác, xử lý nghiêm các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật; định hướng tư tưởng, dư luận xã hội, tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số; thực hiện tốt công tác quản lý bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

**2.16.** Sở Tư pháp tập trung nâng cao chất lượng thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình HĐND, UBND tỉnh; tăng cường hướng dẫn các đơn vị trong việc thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xử lý các văn bản trái quy định của pháp luật theo quy định. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, công tác trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho người dân và doanh nghiệp.

**2.17.** Thanh tra tỉnh tập trung nâng cao hiệu quả các cuộc thanh tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ các ngành, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chòng chéo trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng, chống tham nhũng; tham mưu giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc tồn đọng, kéo dài.

**2.18.** Sở Ngoại vụ tăng cường liên kết, phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, nhằm thu hút nguồn lực bên ngoài vào đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác năm 2023 giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Hòa Phố.

**2.19.** Ban Dân tộc tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tỉnh Thanh

Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 và các chương trình, dự án, chính sách cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện hoàn thành việc lập, phê duyệt các dự án khởi công mới năm 2022 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

**2.20.** Cục Thuế tỉnh thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp đóng góp lớn cho thu ngân sách của tỉnh (xăng dầu, thuốc lá, bia, xi măng, nhiệt điện...) để tham mưu điều hành thu ngân sách nhà nước, đảm bảo hoàn thành và vượt dự toán được giao; tiếp tục triển khai quyết liệt công tác thu nợ thuế, rà soát, phân loại chính xác các khoản nợ để đôn đốc thu nợ; thực hiện công khai thông tin các đơn vị nợ thuế lớn trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh điện tử hóa trong quản lý thuế; đồng bộ, kết nối cơ sở dữ liệu với các cơ quan quản lý nhà nước để quản lý các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản... Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế triển khai thực hiện hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh.

**2.21.** Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các tổ chức tín dụng; chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận tín dụng ngân hàng, tạo nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh; khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để ổn định mặt bằng lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ lãi suất 2% đối với các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ; chương trình cho vay hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng chung cư cũ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ.

**2.22.** Cục Hải quan Thanh Hóa tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan, tăng cường công tác giám sát quản lý hải quan, giải quyết kịp thời vướng mắc, thông quan nhanh hàng hóa xuất, nhập khẩu; thực hiện tốt công tác kiểm tra sau thông quan, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành; triển khai hệ thống Hải quan số, Hải quan thông minh theo lộ trình. Thực hiện tốt công tác đối thoại Hải Quan - Doanh nghiệp và Chương trình thí điểm hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật hải quan; tổ chức ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kêu gọi các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu qua Cảng Nghi Sơn.

**2.23.** Cục Quản lý Thị trường tỉnh tiếp tục đấu tranh, phòng chống hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tập trung kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; kiểm tra, kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thương mại tại các điểm, khu du lịch.



**2.24.** Bảo hiểm Xã hội tỉnh tiếp tục giải quyết đầy đủ, kịp thời quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm; triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN; đôn đốc thu, giảm nợ, không để phát sinh nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành việc chấp hành quy định pháp luật BHXH, BHYT tại các đơn vị sử dụng lao động, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

**2.25.** Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh chủ động đầu mối với các cơ quan, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước ngoài để tăng cường giới thiệu, tuyên truyền về môi trường, cơ hội đầu tư tại tỉnh Thanh Hóa; đề xuất, tham mưu các giải pháp củng cố quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống, thiết lập và mở rộng quan hệ với các đối tác mới, nhằm xúc tiến, kết nối các cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh về tỉnh Thanh Hóa.

**2.26.** Công an tỉnh tập trung đấu tranh trấn áp tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, sử dụng vũ khí, hung khí nguy hiểm để gây án, tội phạm can dự vào các hoạt động kinh tế. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do cháy, nổ gây ra; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông.

**2.27.** Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi sát tình hình, chủ động có biện pháp phù hợp, ứng phó kịp thời, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; chỉ đạo lực lượng chức năng phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương các huyện biên giới tăng cường quản lý biên giới, ngăn chặn triệt để nhập cảnh trái phép. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia xử lý tốt các tình huống xảy ra sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn... Chỉ đạo các huyện, thành phố làm tốt công tác chuẩn bị, tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ năm 2023; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch.

#### **2.28.** UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường nắm bắt tình hình, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là nhóm doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực, đóng góp lớn vào tăng trưởng và thu ngân sách của huyện, của tỉnh.

- Tập trung đôn đốc, chỉ đạo UBND các xã, các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2023, bao gồm cả vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023; hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới, nhất là các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/02/2023.

- Tập trung triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2023; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sử

dụng đất thuộc do huyện quản lý, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu ngân sách để bố trí cho các dự án đầu tư công năm 2023. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường; tập trung xử lý các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tăng cường bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp và làng nghề, khu vực đầu nguồn các sông lớn.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý; đặc biệt là các công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở... để xử lý ngay các hư hỏng, có phương án đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ. Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện, hậu cần ở mức cao nhất theo phương châm “4 tại chỗ” tại các địa bàn xung yếu, sẵn sàng triển khai ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai, sự cố xảy ra.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt là phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước trẻ em; quan tâm đầu tư kinh phí củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các cơ sở vui chơi, giải trí hiện có (như nhà văn hóa, trường học, sân thể thao, điểm vui chơi dành cho trẻ em...) để tổ chức cho trẻ em sinh hoạt, vui chơi an toàn trong kỳ nghỉ lễ, nghỉ hè.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng tham mưu, xử lý công việc; tập trung chỉ đạo, rà soát các nhiệm vụ, công việc của cơ quan, địa phương, đơn vị mình để kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và trong thời gian theo quy định của pháp luật, nhất là những công việc đã và đang chậm trễ, kéo dài.

**2.29.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh tăng cường các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, địa phương, đơn vị; tăng cường nắm bắt tư tưởng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để kịp thời chia sẻ, định hướng để thông tin kịp thời; tiếp tục phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chung sức, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội,  
Văn phòng Chủ tịch nước (đề b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đề b/c);
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (đề b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH. (321.2022)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**Biểu số 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU TỔNG HỢP</b>						
<b>I</b>	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP (theo giá so sánh 2010)</b>	Tỷ đồng	<b>64.575</b>	<b>149.311</b>	<b>69.098</b>	<b>107,00</b>	<b>46,3</b>
<i>1</i>	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>9.302</i>	<i>18.700,0</i>	<i>9.663</i>	<i>103,87</i>	<i>51,7</i>
<i>2</i>	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.687</i>	<i>73.359,2</i>	<i>34.396</i>	<i>108,55</i>	<i>46,9</i>
-	Công nghiệp	"	23.126	51.229	25.240	109,14	49,3
-	Xây dựng	"	8.561	22.130	9.156	106,95	41,4
<i>3</i>	<i>Dịch vụ</i>	<i>"</i>	<i>19.580</i>	<i>47.166</i>	<i>21.167</i>	<i>108,10</i>	<i>44,9</i>
<i>4</i>	<i>Thuế sản phẩm</i>	<i>"</i>	<i>4.006</i>	<i>10.086</i>	<i>3.872</i>	<i>96,67</i>	<i>38,4</i>
<b>II</b>	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP (theo giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng	<b>120.462</b>		<b>131.339</b>	<b>109,03</b>	
<i>1</i>	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>18.346</i>		<i>20.032</i>	<i>109,19</i>	
<i>2</i>	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>59.746</i>		<i>64.725</i>	<i>108,33</i>	
-	Công nghiệp	"	45.044		48.503	107,68	
-	Xây dựng	"	14.702		16.222	110,34	
<i>3</i>	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>34.953</i>		<i>39.289</i>	<i>112,41</i>	
<i>4</i>	<i>Thuế sản phẩm</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>7.417</i>		<i>7.293</i>	<i>98,33</i>	
<b>III</b>	<b>Thu - Chi ngân sách nhà nước</b>						
<i>1</i>	<i>Thu ngân sách nhà nước</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>27.586</i>	<i>35.340</i>	<i>20.577</i>	<i>75</i>	<i>58</i>
-	Thu nội địa	"	17.612	21.840	11.800	67	54
-	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	<i>Tỷ đồng</i>	<i>9.974</i>	<i>13.500</i>	<i>8.777</i>	<i>88</i>	<i>65</i>

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
2	<i>Chi ngân sách nhà nước</i>	Tỷ đồng	18.167	40.454	20.165	111	50
IV	<b>Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn</b>	Tỷ đồng	<b>69.419</b>	<b>140.000</b>	<b>66.090</b>	<b>95,2</b>	<b>47,2</b>
V	<b>Thành lập mới doanh nghiệp</b>	DN	<b>1.641</b>	<b>3.000</b>	<b>1.287</b>	<b>78,4</b>	<b>42,9</b>
B	<b>CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>						
I	<b>Nông nghiệp</b>						
1	<i>Trồng trọt</i>						
a	<b>Diện tích gieo trồng vụ đông xuân</b>	Ha	<b>240.168</b>	<b>238.000</b>	<b>238.079</b>	<b>99,1</b>	<b>100,0</b>
	+ Vụ Đông	"	47.264	46.000	47.035	99,5	102,3
	+ Vụ Xuân	"	192.904	192.000	191.044	99,0	99,5
b	<b>Sản lượng lương thực vụ đông xuân</b>	Tấn	<b>873.150</b>	<b>868.300</b>	<b>888.515</b>	<b>101,8</b>	<b>102,3</b>
	+ Vụ Đông	"	70.225	72.000	63.455	90,4	88,1
	+ Vụ Xuân	"	802.925	796.300	825.060	102,8	103,6
-	<i>Lúa</i>						
	+ Diện tích lúa Xuân	Ha	114.267	113.000	113.695	99,5	100,6
	+ Năng suất	Tạ/ha	64,5	64,0	67,0	103,7	104,6
	+ Sản lượng	Tấn	737.436	729.600	761.228	103,2	104,3
-	<i>Ngô đông xuân</i>						
	+ Diện tích	Ha	28.132	29.000	26.571	94,5	91,6
	+ Năng suất	Tạ/ha	48,2	47,8	47,9	99,4	100,2
	+ Sản lượng	Tấn	135.714	138.700	127.287	93,8	91,8
	Trong đó: Vụ chiêm xuân						
	+ Diện tích	Ha	13.595	14.000	13.479	99,1	96,3
	+ Năng suất	Tạ/ha	48,3	47,0	48,0	99,4	102,1

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
	+ Sản lượng	Tấn	65.664	66.700	64.698	98,5	97,0
-	<i>Lạc đông xuân</i>						
	+ Diện tích	Ha	7.818	7.500	7.311	93,5	97,5
	+ Năng suất	Tạ/ha	22,8	22,0	22,9	100,6	104,1
	+ Sản lượng	Tấn	17.800	16.500	16.748	94,1	101,5
-	<i>Đậu tương đông xuân</i>						
	+ Diện tích	Ha	316,0		244	77,3	
	+ Năng suất	Tạ/ha	15,5		15,3	99,2	
	+ Sản lượng	Tấn	489		375	76,7	
<b>2</b>	<b><i>Chăn nuôi</i></b>						
-	Tổng đàn trâu	Con	168.142	180.000	162.154	96,4	90,1
-	Tổng đàn bò	"	250.426	275.000	249.363	99,6	90,7
-	Tổng đàn lợn	"	1.083.243	1.300.000	1.096.234	101,2	84,3
-	Tổng đàn gia cầm	Triệu con	24,2	24,5	25,6	106,2	104,7
-	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	135.322	290.000	140.705	104,0	48,5
-	Sản lượng trứng	1.000 quả	115.094	310.000	129.790	112,8	41,9
<b>3</b>	<b><i>Lâm nghiệp</i></b>						
-	Diện tích bảo vệ rừng	Ha	600.836	600.836	600.836	100,0	100,0
-	Chăm sóc rừng trồng	"	40.000	40.000	40.000	100,0	100,0
-	Trồng rừng mới	"	5.480	10.000	5.650	103,1	56,5
-	Khai thác lâm sản						
	+ Gỗ	m3	413.750,0	940.000	427.000,0	103,2	45,4
	+ Tre luồng	Triệu cây	32	62	33	102,7	52,3

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
	+ Nguyên liệu giấy	Tấn	40.500	82.400	41.500	102,5	50,4
<b>4</b>	<b>Thủy sản</b>						
a	Sản lượng thủy sản	Tấn	99.892	211.000	104.521	104,6	49,5
-	Sản lượng khai thác	"	64.608	137.500	68.355	105,8	49,7
-	Sản lượng nuôi trồng	"	35.284	73.500	36.166	102,5	49,2
b	Tổng diện tích nuôi trồng		19.200	19.200	19.200	100,0	100,0
-	Diện tích nuôi trồng nước mặn, lợ	Ha	5.100	5.100	5.100	100,0	100,0
-	Diện tích nuôi trồng nước ngọt	"	14.100	14.100	14.100	100,0	100,0
<b>5</b>	<b>Xây dựng nông thôn mới</b>	Huyện, xã	04 huyện, 05 xã đạt chuẩn NTM; 08 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 04 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	01 huyện, 17 xã đạt chuẩn NTM; 22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 08 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	13 xã đạt chuẩn NTM; 23 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 05 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu		
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM	%	74,4	78,7	77,0		
<b>II</b>	<b>Công nghiệp</b>						
<b>1</b>	<b>Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)</b>	%	<b>118,07</b>	<b>117</b>	<b>107,49</b>		
<b>2</b>	<b>Sản phẩm công nghiệp chủ yếu</b>						
1	Đường kết tinh	1.000 tấn	63	90	33,8	53,7	37,5
2	Bia các loại	1.000 lít	19.243	50.000	17.684,0	91,9	35,4
3	Thuốc lá bao	1.000 bao	112.810	200.000	120.481,0	106,8	60,2
4	Quần áo may sẵn	1.000 cái	224.828	600.000	227.976,0	101,4	38,0
5	Giấy, bìa các loại	Tấn	40.211	90.000	45.881,0	114,1	51,0
6	Phân bón các loại	Tấn	92.035	200.000	92.035,0	100,0	46,0

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
7	Xi măng các loại	1.000 tấn	9.512	19.500	9.274,7	97,5	47,6
8	Clinker	1.000 tấn	2.198	3.500	3.112,9	141,6	88,9
9	Gạch xây	Tr. viên	1.046	2.500	1.015,2	97,1	40,6
10	Thức ăn gia súc	Tấn	84.253	200.000	99.503,0	118,1	49,8
11	Tinh bột sắn	Tấn	29.437	50.000	15.837,0	53,8	31,7
12	Bao bì PP các loại	1.000 bao	79.856	170.000	90.636,0	113,5	53,3
13	Điện thương phẩm	Tr.Kwh	3.553	8.400	3.549,0	100	42,3
14	Điện sản xuất	Tr.Kwh	3.012	8.200	4.629,0	153,7	56,5
15	Nước uống được	1.000 m3	27.671	75.000	28.280,0	102,2	37,7
16	Giày xuất khẩu	1.000 đôi	84.211	250.000	86.485,0	102,7	34,6
17	Ô tô tải các loại	Xe	652	1.000	566,0	86,8	56,6
18	Dầu ăn	1.000 tấn	84	200	84,2	100,3	42,1
19	Xăng các loại	1.000 tấn	1.309	2.900	1.551,7	118,5	53,5
20	Dầu Diesel các loại	1.000 tấn	1.923	4.100	2.435,1	126,6	59,4
21	Dầu và mỡ bôi trơn	Tấn	2.250	5.000	3.784,0	168,2	75,7
22	Sáp parafin	1.000 tấn	179,5	445	178,6	100	40,1
23	Benzen	1.000 tấn	90,7	310	120,6	133,0	38,9
24	Lưu huỳnh rắn	1.000 tấn	131,8	300	160,4	121,7	53,5
25	Sắt thép các loại	1.000 tấn	1.081,2	2.100	994,7	92,0	47,4
<b>III</b>	<b>Dịch vụ</b>						
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán lẻ hàng hoá và một số ngành dịch vụ</b>	Tỷ đồng	<b>72.702</b>	<b>175.000</b>	<b>82.952</b>	<b>114,1</b>	<b>47,4</b>
<b>2</b>	<b>Xuất khẩu</b>						

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
<b>a</b>	<b>Giá trị xuất khẩu</b>	<b>1.000 USD</b>	<b>2.694</b>	<b>5.500</b>	<b>2.431</b>	<b>90,3</b>	<b>44,2</b>
	+ Xuất khẩu chính ngạch	"	2.667	5.438	2.408	90,3	44,3
	+ Xuất khẩu tiểu ngạch	"	28	62	23	80,9	37,1
<b>b</b>	<b>Mặt hàng xuất khẩu chính ngạch chủ yếu</b>						
	+ Dưa chuột đóng hộp	Tấn	405	850	409	100,9	48,1
	+ Súc sản xuất khẩu	"	400	750	322	80,5	42,9
	+ Chả cá Surimi	"	1.222		2.082	170,4	
	+ Hàng dệt may	1.000 SP	210.763	450.000	180.202	85,5	40,0
	+ Giày xuất khẩu	1.000 đôi	122.064	25.000	116.449	95,4	465,8
	+ Đá ốp lát các loại	1.000 m2	2.295		2.093	91,2	
	+ Thuốc lá bao	100 đôi	6.516	16.000	7.221	110,8	45,1
	+ Xi măng	Tấn	622.433		509.150	81,8	
	+ Luru huỳnh	Tấn	100.247	220.000	137.138	136,8	62,3
	+ Benzen	Tấn	65.573	150.000	49.901	76,1	33,3
	+ Polypropylen	Tấn	198.240	370.000	159.385	80,4	43,1
<b>3</b>	<b>Du lịch</b>						
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12.919	24.200	15.072	116,7	62,3
-	Tổng lượt khách	1.000 lượt khách	7.395	12.000	8.354	113,0	69,6
	<i>Trong đó: khách quốc tế</i>	"	<i>48,0</i>	<i>615,0</i>	<i>214,6</i>	<i>447,5</i>	<i>34,9</i>
<b>4</b>	<b>Vận tải</b>						
<b>a</b>	<b>Vận tải hàng hoá</b>						
-	Khối lượng vận chuyển	1.000 tấn	29.873	66.771	36.031	120,6	54,0



Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
-	Khối lượng luân chuyển	1.000 T.km	1.351.879	2.997.665	1.617.708	119,7	54,0
<i>b</i>	<i>Vận tải hành khách</i>						
-	Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	13.264	31.045	20.289	153,0	65,4
-	Khối lượng luân chuyển	1.000 HK.km	867.267	2.047.212	1.336.458	154,1	65,3
<i>c</i>	<i>Hàng hoá thông qua cảng</i>	<i>1.000 tấn</i>	21.134	48.000	23.593	111,6	49,2
	Trong đó: Qua cảng Nghi Sơn	"	21.065	47.700	23.541	111,8	49,4
<i>d</i>	<i>Doanh thu ngành vận tải</i>	Tỷ đồng	7.699	17.820	10.353	134,5	58,1
<b>5</b>	<b>Buru chính - viễn thông</b>						
-	Số máy điện thoại phát triển mới	Thuê bao	2.907.000	2.976.000	2.920.372	100,5	98,1
	+ Cố định	"	27.000	26.000	25.500	94,4	98,1
	+ Di động	"	2.888.000	2.950.000	2.894.872	100,2	98,1
-	Mật độ điện thoại	Máy/100 dân	79,0	81,1	78,1		
-	Số thuê bao Internet	Thuê bao	2.360.000	2.400.000	2.380.000	100,8	99,2
-	Mật độ người sử dụng Internet	Thuê bao/100 dân	64,3	65,4	64,9		
-	Doanh thu toàn ngành	Tỷ đồng	2.260	4.800	2.300	101,8	47,9
<b>C</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>						
<b>I</b>	<b>Y tế</b>						
-	Số giường bệnh (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	13.650	14.010	13.993	102,5	99,9
-	Số giường bệnh/10.000 dân (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	36,5	37,5	37,5	102,7	100,0

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
-	Số bác sỹ/10.000 dân	Người	11,5	12,0	11,7	101,7	97,5
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới)	%	97,3	98,4	98,0		
-	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	11,5	9,5	10,0		
-	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	15,2	14,5	15,0		
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy sinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	14,0	13,2	13,5		
-	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	91,0	90,0	85,7		
-	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	89,2	92,5	91,2		
<b>II</b>	<b>Lao động và việc làm</b>						
-	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Người	29.650	58.000	30.550	103,0	52,7
-	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	30.190	83.080	30.083	99,6	36,2
-	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	3.820	5.000	5.612	147	112,2
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	72,2	73,0	73,0		
	<i>Trong đó: có văn bằng, chứng chỉ</i>	%	28,5	29,0	29,0		
<b>III</b>	<b>Văn hoá, Thể thao, Phát thanh - truyền hình</b>						
<b>1</b>	<b>Văn hoá</b>						
-	Số di tích được tu bổ	Di tích	17,0	30,0	19,0	111,8	63,3
<b>2</b>	<b>Thể thao</b>						
-	Tỷ lệ dân số tập luyện thể thao thường xuyên	%	43,4	44,2	44,0		

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
-	Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao	%	30	30,6	30,6		
-	Tỷ lệ trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất	%	100	100	100		
-	Số VĐV cấp tỉnh đào tạo tập trung	VĐV	695	800	695	100,0	86,9
<b>3</b>	<b>Phát thanh, truyền hình</b>						
-	Số giờ tiếp sóng Đài tiếng nói Việt Nam	Giờ/năm	234	468	234	100,0	50,0
-	Số giờ phát sóng phát thanh chương trình địa phương	Giờ/năm	2.686	5.372	2.686	100,0	50,0
	<i>Trong đó: Phát tiếng dân tộc</i>	Giờ/năm	213	426	243	114,1	57,0
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng phát thanh	%	100	100	100		
-	Số giờ phát sóng Đài truyền hình Việt Nam	Giờ/năm	137	273	137	100,0	50,2
-	Số giờ phát sóng truyền hình chương trình địa phương	Giờ/năm	3.331	6.661	3.331	100,0	50,0
	<i>Trong đó: Phát tiếng dân tộc</i>	Giờ/năm	213	426	243	114,1	57,0
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng truyền hình	%	100	100	100		
<b>IV</b>	<b>Giáo dục, đào tạo</b>						
1	Số xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	559	559	559	100,0	100,0
	- Tỷ lệ xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%	100	100	100		
2	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1.636	1.690	1.688	103,2	99,9
	+ Mầm non	"	522	561	572	109,6	102,0
	+ Tiểu học	"	560	551	543	97,0	98,5

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2022	KH năm 2023	Ước TH 6 tháng năm 2023	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2023
	+ Trung học cơ sở	"	501	523	521	104,0	99,6
	+ Trung học phổ thông	"	53	55	52	98,1	94,5
3	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	81,44	83,46	83,90		
4	Tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá	%	90,0	90,0	90,1		
<b>V</b>	<b>Quốc phòng - an ninh</b>						
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	80	80	80		

**Biểu số 2: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023			Tình hình giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 15/6/2023			
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ giải ngân so với KH đã giao chi tiết (%)
			Kế hoạch vốn năm 2023	Vốn kéo dài từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022	Vốn kéo dài từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>14.439.162</b>	<b>12.108.482</b>	<b>2.330.681</b>	<b>4.199.481</b>	<b>3.785.393</b>	<b>414.088</b>	<b>29,1</b>
<b>I</b>	<b>SỐ VỐN KHÔNG PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC CHỦ ĐẦU TƯ</b>	<b>5.477.152</b>	<b>5.477.152</b>		<b>1.987.054</b>	<b>1.987.054</b>		<b>36,3</b>
<b>II</b>	<b>SỐ VỐN PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC CHỦ ĐẦU TƯ</b>	<b>8.962.010</b>	<b>6.631.330</b>	<b>2.330.681</b>	<b>2.212.427</b>	<b>1.798.339</b>	<b>414.088</b>	<b>24,7</b>
<b>II.1</b>	<b>Các chủ đầu tư là sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh</b>	<b>4.557.838</b>	<b>3.275.910</b>	<b>1.281.928</b>	<b>795.901</b>	<b>725.416</b>	<b>70.485</b>	<b>17,5</b>
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	14.042	13.000	1.042	3.540	2.998	542	25,2
2	Công an tỉnh	3.546		3.546				
3	Sở Xây dựng.	21.965	16.040	5.925	925		925	4,2
4	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.	31.450	30.500	950	30.000	30.000		95,4
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	11.458	11.458		5.526	5.526		48,2
6	Sở Giao thông Vận tải.	1.101.964	890.626	211.338	327.153	268.267	58.886	29,7
7	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN.	133.193	115.296	17.897	14.699	9.593	5.106	11,0
8	Sở Nông nghiệp và PTNT.	62.358	61.000	1.358	29.128	29.128		46,7
9	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.	300.504	274.186	26.318	24.790	24.790		8,2
10	Sở Công Thương.	25.841	20.000	5.841	22.995	20.000	2.995	89,0

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023			Tình hình giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 15/6/2023			
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ giải ngân so với KH đã giao chi tiết (%)
			Kế hoạch vốn năm 2023	Vốn kéo dài từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 20223	Vốn kéo dài từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	48.479	43.568	4.911	15.911	15.911		32,8
12	Sở Y tế	32		32				
13	Ban Dân tộc	2.003		2.003				
14	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	1.494.716	493.949	1.000.767	170.952	168.921	2.031	11,4
15	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa.	619.287	619.287		144.204	144.204		23,3
16	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	687.000	687.000		6.078	6.078		0,9
<b>II.2</b>	<b>Các chủ đầu tư là UBND cấp huyện</b>	<b>4.295.298</b>	<b>3.274.541</b>	<b>1.020.757</b>	<b>1.368.895</b>	<b>1.027.376</b>	<b>341.519</b>	<b>31,9</b>
1	UBND huyện Nông Cống.	135.790	132.242	3.548	66.381	62.833	3.548	48,9
2	UBND huyện Quan Hóa.	200.926	163.682	37.244	79.048	60.975	18.073	39,3
3	UBND huyện Hà Trung.	147.149	98.826	48.323	26.864	19.541	7.323	18,3
4	UBND huyện Cẩm Thủy.	95.099	68.278	26.821	35.016	24.460	10.556	36,8
5	UBND huyện Như Xuân.	86.994	69.879	17.115	32.760	18.560	14.200	37,7
6	UBND huyện Thiệu Hóa.	187.106	174.240	12.866	87.001	87.001		46,5
7	UBND huyện Ngọc Lặc.	494.834	433.801	61.033	49.946	34.521	15.425	10,1
8	UBND huyện Yên Định.	71.829	67.418	4.411	46.781	42.941	3.840	65,1
9	UBND huyện Đông Sơn.	73.324	69.252	4.072	33.002	30.802	2.200	45,0
10	UBND huyện Quảng Xương.	111.500	111.500		36.700	35.100	1.600	32,9
11	UBND huyện Lang Chánh.	175.843	140.764	35.079	31.192	15.843	15.349	17,7

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023			Tình hình giải ngân kế hoạch năm 2023 đến ngày 15/6/2023			
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ giải ngân so với KH đã giao chi tiết (%)
			Kế hoạch vốn năm 2023	Vốn kéo dài từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 20223	Vốn kéo dài từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023	
12	UBND huyện Thọ Xuân.	118.854	106.775	12.079	71.106	60.592	10.514	59,8
13	UBND huyện Hoằng Hóa.	69.208	55.326	13.882	35.061	24.000	11.061	50,7
14	UBND huyện Quan Sơn.	147.722	116.932	30.790	48.817	38.543	10.274	33,0
15	UBND huyện Mường Lát.	145.155	85.456	59.699	26.411	7.000	19.411	18,2
16	UBND huyện Như Thanh.	175.044	126.072	48.972	32.769	29.301	3.468	18,7
17	UBND huyện Thường Xuân.	222.726	154.384	68.342	45.910	33.744	12.166	20,6
18	UBND huyện Vĩnh Lộc.	105.003	86.700	18.303	25.200	14.700	10.500	24,0
19	UBND huyện Triệu Sơn.	210.524	140.057	70.467	63.450	61.113	2.337	30,1
20	UBND TX. Bim Sơn.	94.100	70.100	24.000	30.800	26.200	4.600	32,7
21	UBND huyện Hậu Lộc.	127.471	52.113	75.358	40.096	22.510	17.586	31,5
22	UBND huyện Bá Thước.	201.387	139.100	62.287	94.109	51.787	42.322	46,7
23	UBND TP. Thanh Hóa.	203.832	36.031	167.801	89.777	8.350	81.427	44,0
24	UBND TX. Nghi Sơn.	184.121	148.740	35.381	76.009	70.697	5.312	41,3
25	UBND TP. Sầm Sơn.	242.669	205.315	37.354	61.763	61.061	702	25,5
26	UBND huyện Nga Sơn.	125.845	117.220	8.625	57.307	56.682	625	45,5
27	UBND huyện Thạch Thành	141.243	104.338	36.905	45.619	28.519	17.100	32,3
<b>II.3</b>	<b>Các chủ đầu tư là UBND cấp xã</b>	<b>61.919</b>	<b>42.889</b>	<b>19.030</b>	<b>26.589</b>	<b>26.232</b>	<b>357</b>	<b>42,9</b>
<b>II.4</b>	<b>Vốn các chủ đầu tư khác</b>	<b>46.956</b>	<b>37.990</b>	<b>8.966</b>	<b>21.042</b>	<b>19.315</b>	<b>1.727</b>	<b>44,8</b>

**Biểu số 3: TÌNH HÌNH THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Thu ngân sách nhà nước năm 2023								
		Dự toán tỉnh giao			Ước TH 6 tháng năm 2023			So sánh thực hiện/dự toán (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó	
			Thu tiền SDD	Thu sắc thuế, khác		Thu tiền SDD	Thu sắc thuế, khác		Thu tiền SDD	Thu sắc thuế, khác
	<b>Tổng số</b>	<b>11.139.136</b>	<b>7.100.000</b>	<b>4.039.136</b>	<b>5.312.900</b>	<b>3.203.000</b>	<b>2.109.900</b>	<b>47,7%</b>	<b>45,1%</b>	<b>52,2%</b>
1	Thành phố Thanh Hóa	2.351.535	1.200.000	1.151.535	1.259.623	624.614	635.009	53,6%	52,1%	55,1%
2	Thành phố Sầm Sơn	756.444	556.000	200.444	744.995	649.192	95.803	98,5%	116,8%	47,8%
3	Thị xã Bim Sơn	249.255	60.000	189.255	100.920	16.206	84.714	40,5%	27,0%	44,8%
4	Thị xã Nghi Sơn	880.289	580.000	300.289	390.166	184.500	205.666	44,3%	31,8%	68,5%
4	Huyện Hà Trung	538.299	320.000	218.299	258.520	149.122	109.398	48,0%	46,6%	50,1%
5	Huyện Nga Sơn	365.652	280.000	85.652	64.649	26.002	38.647	17,7%	9,3%	45,1%
6	Huyện Hậu Lộc	306.999	230.000	76.999	46.744	20.607	26.137	15,2%	9,0%	33,9%
7	Huyện Hoằng Hóa	870.675	700.000	170.675	352.632	264.875	87.757	40,5%	37,8%	51,4%
8	Huyện Quảng Xương	856.232	670.000	186.232	253.659	188.457	65.202	29,6%	28,1%	35,0%
10	Huyện Nông Cống	339.311	230.000	109.311	176.195	72.493	103.702	51,9%	31,5%	94,9%
11	Huyện Đông Sơn	977.296	800.000	177.296	543.198	478.885	64.313	55,6%	59,9%	36,3%
12	Huyện Triệu Sơn	381.354	240.000	141.354	166.565	88.522	78.043	43,7%	36,9%	55,2%
13	Huyện Thọ Xuân	456.035	300.000	156.035	157.133	91.166	65.967	34,5%	30,4%	42,3%
14	Huyện Yên Định	380.929	230.000	150.929	176.936	85.000	91.936	46,4%	37,0%	60,9%
15	Huyện Thiệu Hóa	414.794	320.000	94.794	108.719	75.059	33.660	26,2%	23,5%	35,5%
16	Huyện Vĩnh Lộc	169.258	110.000	59.258	78.412	52.300	26.112	46,3%	47,5%	44,1%



Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Thu ngân sách nhà nước năm 2023								
		Dự toán tỉnh giao			Ước TH 6 tháng năm 2023			So sánh thực hiện/dự toán (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó	
			Thu tiền SDD	Thu sắc thuế, khác		Thu tiền SDD	Thu sắc thuế, khác		Thu tiền SDD	Thu sắc thuế, khác
17	Huyện Thạch Thành	136.752	70.000	66.752	68.828	31.036	37.792	50,3%	44,3%	56,6%
18	Huyện Cẩm Thủy	83.959	24.000	59.959	84.106	47.789	36.317	100,2%	199,1%	60,6%
19	Huyện Ngọc Lặc	84.443	25.000	59.443	42.865	10.355	32.510	50,8%	41,4%	54,7%
20	Huyện Như Thanh	158.222	80.000	78.222	54.109	15.790	38.319	34,2%	19,7%	49,0%
21	Huyện Lang Chánh	19.437	500	18.937	12.864	364	12.500	66,2%	72,8%	66,0%
22	Huyện Bá Thước	66.846	5.000	61.846	31.375	760	30.615	46,9%	15,2%	49,5%
23	Huyện Quan Hóa	88.459	3.700	84.759	23.047	264	22.783	26,1%	7,1%	26,9%
24	Huyện Thường Xuân	105.483	30.000	75.483	49.460	327	49.133	46,9%	1,1%	65,1%
25	Huyện Như Xuân	67.677	35.000	32.677	51.989	28.969	23.020	76,8%	82,8%	70,4%
26	Huyện Mường Lát	15.656	300	15.356	5.446	26	5.420	34,8%	8,7%	35,3%
27	Huyện Quan Sơn	17.845	500	17.345	9.745	320	9.425	54,6%	64,0%	54,3%

**Phụ lục 4:**  
**KẾT QUẢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NGÀY 10/6/2023**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Số TT	Tên dự án	Theo KH số 15/KH-UBND		Kết quả thực hiện (đến ngày 10/6/2023)				Tỷ lệ kết quả thực hiện đến ngày 10/6/2023 (%)
		Số dự án	Diện tích (ha)	Đã ký cam kết GPMB (ha)	Đo đạc, kiểm kê (ha)	Lập phương án BT (ha)	Đã chi trả tiền BT (ha)	
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>733</b>	<b>2.349,72</b>	<b>2.082,9</b>	<b>2.208,7</b>	<b>1.356,3</b>	<b>1.119,4</b>	<b>47,6</b>
	<b>Dự án đầu tư công</b>	<b>586</b>	<b>1.368,46</b>	<b>1.212,5</b>	<b>1.077,3</b>	<b>735,8</b>	<b>611,9</b>	<b>44,7</b>
	<b>Dự án đầu tư của doanh nghiệp</b>	<b>147</b>	<b>981,26</b>	<b>870,4</b>	<b>1.131,3</b>	<b>620,4</b>	<b>507,4</b>	<b>51,7</b>
<b>1</b>	<b>Thị xã Nghi Sơn</b>	<b>39</b>	<b>468,29</b>	<b>411,2</b>	<b>643,5</b>	<b>193,7</b>	<b>120,4</b>	<b>25,7</b>
-	Dự án đầu tư công	29	214,82	211,0	183,3	105,4	52,3	24,4
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	10	253,47	200,2	460,2	88,3	68,1	26,9
<b>2</b>	<b>Huyện Quảng Xương</b>	<b>20</b>	<b>168,09</b>	<b>80,5</b>	<b>73,9</b>	<b>63,7</b>	<b>63,7</b>	<b>37,9</b>
-	Dự án đầu tư công	10	64,73	31,0	29,3	29,1	29,1	45,0
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	10	103,36	49,6	44,6	34,6	34,6	33,4
<b>3</b>	<b>Huyện Nga Sơn</b>	<b>27</b>	<b>42,1</b>	<b>40,8</b>	<b>30,0</b>	<b>27,8</b>	<b>25,3</b>	<b>60,2</b>
-	Dự án đầu tư công	23	37,8	37,8	29,1	26,9	24,4	64,6
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	4	4,3	3,0	0,9	0,9	0,9	21,7
<b>4</b>	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>	<b>38</b>	<b>89,8</b>	<b>89,8</b>	<b>64,3</b>	<b>64,2</b>	<b>50,1</b>	<b>55,8</b>
-	Dự án đầu tư công	38	89,8	89,8	64,3	64,2	50,1	55,8
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
<b>5</b>	<b>Thành phố Sầm Sơn</b>	<b>24</b>	<b>61,8</b>	<b>61,8</b>	<b>49,1</b>	<b>45,1</b>	<b>39,9</b>	<b>64,5</b>
-	Dự án đầu tư công	19	48,1	48,1	39,1	35,1	32,4	67,3

Số TT	Tên dự án	Theo KH số 15/KH-UBND		Kết quả thực hiện (đến ngày 10/6/2023)				Tỷ lệ kết quả thực hiện đến ngày 10/6/2023 (%)
		Số dự án	Diện tích (ha)	Đã ký cam kết GPMB (ha)	Đo đạc, kiểm kê (ha)	Lập phương án BT (ha)	Đã chi trả tiền BT (ha)	
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	5	13,7	13,7	10,0	10,0	7,5	54,7
<b>6</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>	<b>57</b>	<b>118,8</b>	<b>118,8</b>	<b>168,5</b>	<b>56,3</b>	<b>48,8</b>	<b>41,1</b>
-	Dự án đầu tư công	50	79,2	79,2	47,2	25,5	17,9	22,6
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	39,5	39,5	121,3	30,9	30,9	78,1
<b>7</b>	<b>Huyện Thạch Thành</b>	<b>17</b>	<b>79,7</b>	<b>79,7</b>	<b>65,0</b>	<b>12,2</b>	<b>12,2</b>	<b>15,4</b>
-	Dự án đầu tư công	13	69,6	69,6	55,8	5,6	5,6	8,1
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	4	10,1	10,1	9,2	6,6	6,6	65,5
<b>8</b>	<b>Thành phố Thanh Hóa</b>	<b>22</b>	<b>96,0</b>	<b>96,0</b>	<b>88,1</b>	<b>69,9</b>	<b>53,0</b>	<b>55,2</b>
-	Dự án đầu tư công	7	19,4	19,4	27,6	18,5	8,3	42,9
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	15	76,6	76,6	60,5	51,4	44,7	58,3
<b>9</b>	<b>Huyện Ngọc Lặc</b>	<b>23</b>	<b>47,1</b>	<b>47,1</b>	<b>31,0</b>	<b>21,7</b>	<b>28,1</b>	<b>59,6</b>
-	Dự án đầu tư công	20	39,6	39,6	23,6	16,6	23,0	57,9
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	7,4	7,4	7,4	5,1	5,1	68,6
<b>10</b>	<b>Huyện Lang Chánh</b>	<b>10</b>	<b>24,2</b>	<b>24,2</b>	<b>41,3</b>	<b>13,8</b>	<b>10,4</b>	<b>42,8</b>
-	Dự án đầu tư công	9	20,6	20,6	37,7	10,2	6,7	32,7
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	1	3,7	3,7	3,7	3,7	3,7	100,0
<b>11</b>	<b>Huyện Yên Định</b>	<b>32</b>	<b>70,5</b>	<b>39,0</b>	<b>33,8</b>	<b>21,7</b>	<b>46,0</b>	<b>65,2</b>
-	Dự án đầu tư công	29	62,4	30,9	29,7	21,5	45,8	73,4
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	8,2	8,2	4,2	0,2	0,2	1,8
<b>12</b>	<b>Huyện Như Thanh</b>	<b>30</b>	<b>65,5</b>	<b>65,5</b>	<b>68,4</b>	<b>50,4</b>	<b>17,1</b>	<b>26,0</b>
-	Dự án đầu tư công	23	29,0	29,0	31,2	24,9	10,6	36,7

Số TT	Tên dự án	Theo KH số 15/KH-UBND		Kết quả thực hiện (đến ngày 10/6/2023)				Tỷ lệ kết quả thực hiện đến ngày 10/6/2023 (%)
		Số dự án	Diện tích (ha)	Đã ký cam kết GPMB (ha)	Đo đạc, kiểm kê (ha)	Lập phương án BT (ha)	Đã chi trả tiền BT (ha)	
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	36,6	36,6	37,2	25,4	6,4	17,6
<b>13</b>	<b>Huyện Đông Sơn</b>	<b>23</b>	<b>66,5</b>	<b>17,0</b>	<b>66,5</b>	<b>44,0</b>	<b>22,5</b>	<b>33,8</b>
-	Dự án đầu tư công	20	63,1	13,6	63,1	40,6	22,1	35,0
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	3,4	3,4	3,4	3,4	0,4	11,8
<b>14</b>	<b>Huyện Triệu Sơn</b>	<b>19</b>	<b>53,4</b>	<b>53,4</b>	<b>37,1</b>	<b>8,0</b>	<b>23,5</b>	<b>44,0</b>
-	Dự án đầu tư công	14	45,4	45,4	30,6	1,5	16,3	35,8
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	5	8,0	8,0	6,5	6,5	7,2	90,6
<b>15</b>	<b>Huyện Nông Cống</b>	<b>40</b>	<b>59,2</b>	<b>42,7</b>	<b>45,7</b>	<b>44,7</b>	<b>43,5</b>	<b>73,5</b>
-	Dự án đầu tư công	32	45,7	31,5	34,6	33,5	32,4	70,9
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	8	13,6	11,2	11,2	11,2	11,2	82,3
<b>16</b>	<b>Huyện Như Xuân</b>	<b>60</b>	<b>350,2</b>	<b>350,2</b>	<b>279,4</b>	<b>268,8</b>	<b>264,7</b>	<b>75,6</b>
-	Dự án đầu tư công	37	61,7	61,7	45,7	35,1	33,7	54,5
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	23	288,5	288,5	233,7	233,7	231,1	80,1
<b>17</b>	<b>Huyện Thường Xuân</b>	<b>21</b>	<b>42,9</b>	<b>42,5</b>	<b>30,1</b>	<b>27,3</b>	<b>27,3</b>	<b>63,6</b>
-	Dự án đầu tư công	14	34,5	34,1	21,7	21,3	21,3	61,8
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	8,4	8,4	8,4	6,0	6,0	71,3
<b>18</b>	<b>Huyện Quan Sơn</b>	<b>7</b>	<b>20,1</b>	<b>19,4</b>	<b>12,8</b>	<b>12,8</b>	<b>12,8</b>	<b>63,4</b>
-	Dự án đầu tư công	7	20,1	19,4	12,8	12,8	12,8	63,4
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp		0,0	0,0	0,0	0,0		
<b>19</b>	<b>Huyện Mường Lát</b>	<b>12</b>	<b>27,9</b>	<b>24,8</b>	<b>10,3</b>	<b>4,1</b>	<b>4,1</b>	<b>14,7</b>
-	Dự án đầu tư công	12	27,9	24,8	10,3	4,1	4,1	14,7

Số TT	Tên dự án	Theo KH số 15/KH-UBND		Kết quả thực hiện (đến ngày 10/6/2023)				Tỷ lệ kết quả thực hiện đến ngày 10/6/2023 (%)
		Số dự án	Diện tích (ha)	Đã ký cam kết GPMB (ha)	Đo đạc, kiểm kê (ha)	Lập phương án BT (ha)	Đã chi trả tiền BT (ha)	
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp		0,00	0,0	0,0	0,0		
<b>20</b>	<b>Huyện Quan Hóa</b>	<b>28</b>	<b>28,1</b>	<b>13,2</b>	<b>9,6</b>	<b>9,5</b>	<b>9,5</b>	<b>33,9</b>
-	Dự án đầu tư công	25	28,0	13,1	9,6	9,5	9,5	33,8
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	50,0
<b>21</b>	<b>Thị xã Bỉm Sơn</b>	<b>18</b>	<b>25,6</b>	<b>25,6</b>	<b>16,1</b>	<b>12,1</b>	<b>10,6</b>	<b>41,3</b>
-	Dự án đầu tư công	7	8,4	8,4	7,4	3,9	2,7	32,3
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	11	17,1	17,1	8,6	8,1	7,8	45,8
<b>22</b>	<b>Huyện Bá Thước</b>	<b>12</b>	<b>10,2</b>	<b>7,5</b>	<b>9,4</b>	<b>9,4</b>	<b>7,5</b>	<b>73,1</b>
-	Dự án đầu tư công	12	10,2	7,5	9,4	9,4	7,5	73,1
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp		0,0	0,0	0,0	0,0		
<b>23</b>	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>	<b>20</b>	<b>49,1</b>	<b>49,1</b>	<b>41,2</b>	<b>32,9</b>	<b>28,1</b>	<b>57,3</b>
-	Dự án đầu tư công	15	27,4	27,4	19,6	14,3	13,0	47,4
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	5	21,6	21,6	21,6	18,6	15,1	69,8
<b>24</b>	<b>Huyện Hoằng Hóa</b>	<b>35</b>	<b>76,4</b>	<b>76,4</b>	<b>58,0</b>	<b>48,9</b>	<b>35,9</b>	<b>47,0</b>
-	Dự án đầu tư công	35	76,4	76,4	58,0	48,9	35,9	47,0
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
<b>25</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>	<b>23</b>	<b>62,2</b>	<b>62,2</b>	<b>51,3</b>	<b>30,5</b>	<b>30,5</b>	<b>49,0</b>
-	Dự án đầu tư công	22	61,0	61,0	50,1	30,5	30,5	49,9
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	1	1,2	1,2	1,2	0,0	0,0	0,0
<b>26</b>	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>	<b>31</b>	<b>89,7</b>	<b>88,4</b>	<b>38,6</b>	<b>32,5</b>	<b>27,5</b>	<b>30,6</b>
-	Dự án đầu tư công	26	46,3	45,0	25,4	19,4	14,4	31,1

Số TT	Tên dự án	Theo KH số 15/KH-UBND		Kết quả thực hiện (đến ngày 10/6/2023)				Tỷ lệ kết quả thực hiện đến ngày 10/6/2023 (%)
		Số dự án	Diện tích (ha)	Đã ký cam kết GPMB (ha)	Đo đạc, kiểm kê (ha)	Lập phương án BT (ha)	Đã chi trả tiền BT (ha)	
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	5	43,4	43,4	13,2	13,1	13,1	30,1
<b>27</b>	<b>Huyện Thọ Xuân</b>	<b>45</b>	<b>56,4</b>	<b>56,4</b>	<b>145,6</b>	<b>130,4</b>	<b>56,8</b>	<b>100,7</b>
-	Dự án đầu tư công	38	37,3	37,3	81,2	67,6	49,8	133,5
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	19,1	19,1	64,3	62,8	7,0	36,6

**Phụ lục 5:**  
**KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

*Đơn vị tính: Doanh nghiệp.*

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	KH năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh (%)		Ghi chú
					KH 2023	Cùng kỳ	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.000</b>	<b>1.287</b>	<b>1.641</b>	<b>42,9</b>	<b>78,4</b>	
<b>I</b>	<b>Vùng đồng bằng</b>	<b>2.150</b>	<b>808</b>	<b>1.090</b>	<b>37,6</b>	<b>74,1</b>	
1	Thành phố Thanh Hoá	1.510	486	631	32,2	77,0	
2	Thị xã Bỉm Sơn	75	42	40	56,0	105,0	
3	Huyện Thọ Xuân	150	72	84	48,0	85,7	
4	Huyện Đông Sơn	60	41	54	68,3	75,9	
5	Huyện Nông Cống	65	29	59	44,6	49,2	
6	Huyện Triệu Sơn	70	45	72	64,3	62,5	
7	Huyện Hà Trung	50	15	31	30,0	48,4	
8	Huyện Yên Định	70	36	63	51,4	57,1	
9	Huyện Thiệu Hoá	55	28	37	50,9	75,7	
10	Huyện Vĩnh Lộc	45	14	19	31,1	73,7	
<b>II</b>	<b>Vùng ven biển</b>	<b>595</b>	<b>330</b>	<b>392</b>	<b>55,5</b>	<b>84,2</b>	
1	Thành phố Sầm Sơn	140	60	75	42,9	80,0	
2	Thị xã Nghi Sơn	150	100	113	66,7	88,5	
3	Huyện Hậu Lộc	55	18	41	32,7	43,9	
4	Huyện Hoằng Hoá	110	60	57	54,5	105,3	

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	KH năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh (%)		Ghi chú
					KH 2023	Cùng kỳ	
5	Huyện Quảng Xương	90	60	72	66,7	83,3	
6	Huyện Nga Sơn	50	32	34	64,0	94,1	
<b>III</b>	<b>Vùng miền núi</b>	<b>255</b>	<b>149</b>	<b>159</b>	<b>58,4</b>	<b>93,7</b>	
1	Huyện Thạch Thành	45	21	30	46,7	70,0	
2	Huyện Cẩm Thủy	40	15	25	37,5	60,0	
3	Huyện Ngọc Lặc	40	40	17	100,0	235,3	
4	Huyện Lang Chánh	15	6	5	40,0	120,0	
5	Huyện Như Xuân	15	16	14	106,7	114,3	
6	Huyện Như Thanh	40	23	29	57,5	79,3	
7	Huyện Thường Xuân	20	9	10	45,0	90,0	
8	Huyện Bá Thước	15	12	15	80,0	80,0	
9	Huyện Quan Hoá	10	2	9	20,0	22,2	
10	Huyện Quan Sơn	10	5	1	50,0		
11	Huyện Mường Lát	5	0	4			